

**PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ****BỘ KHOA HỌC VÀ  
CÔNG NGHỆ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2007/QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2007

**QUYẾT ĐỊNH****ban hành “Quy định tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp nhà nước”****BỘ TRƯỞNG****BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

*Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 54/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ và Nghị định số 28/2004/NĐ-CP ngày 16/01/2004 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 54/2003/NĐ-CP;*

*Xét đề nghị của các Ông Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành*

*kinh tế - kỹ thuật, Vụ Khoa học xã hội và tự nhiên và Vụ Kế hoạch - Tài chính,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp nhà nước”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 16/2003/QĐ-BKHCN ngày 18/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban

hành “Quy định về việc tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện Đề tài khoa học và công nghệ và Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước”, Quyết định số 20/2005/QĐ-BKHHCN ngày 23/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc “sửa đổi, bổ sung các Điều 6, Điều 7, Điều 9, Điều 11 và Điều 13 của Quy định về việc tuyển chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện Đề tài khoa học và công nghệ và Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước ban hành kèm theo Quyết định số 16/2003/QĐ-BKHHCN ngày 18/7/2003 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ” và Quyết định số 06/2006/QĐ-BKHHCN ngày 26/01/2006 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “Quy định về Phương thức làm việc của Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn tuyển

chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện Đề tài khoa học và công nghệ và Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Nhà nước”.

**Điều 3.** Các Ông Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ các ngành kinh tế - kỹ thuật, Vụ Khoa học xã hội và tự nhiên, Vụ Kế hoạch - Tài chính, Chánh Văn phòng, Chủ nhiệm các chương trình KH&CN trọng điểm cấp nhà nước giai đoạn 2006 - 2010, Giám đốc Văn phòng các chương trình KH&CN cấp Nhà nước, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG

Lê Đình Tiến

**QUY ĐỊNH****tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện  
nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp nhà nước**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11/5/2007  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Đối tượng áp dụng, phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này áp dụng đối với việc tuyển chọn, xét chọn các tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp nhà nước (sau đây gọi tắt là tuyển chọn, xét chọn).

2. Các nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp nhà nước (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ KHCN) thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này bao gồm:

a) Đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ thuộc các chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước giai đoạn 2006 - 2010 (sau đây gọi tắt là chương trình) và các Đề tài KHCN độc lập cấp nhà nước (sau đây gọi chung là Đề tài);

b) Dự án sản xuất thử nghiệm thuộc các chương trình và các Dự án sản xuất thử nghiệm độc lập cấp nhà nước (sau đây gọi chung là Dự án SXTN).

3. Việc tuyển chọn, xét chọn đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc các đối tượng quy định tại điểm a và b Khoản 2 Điều này được quy định tại các văn bản khác.

**Điều 2.** Tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN

1. Tuyển chọn là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân có năng lực và kinh nghiệm tốt nhất để thực hiện các nhiệm vụ KHCN theo đặt hàng của Nhà nước thông qua việc xem xét, đánh giá các Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn theo những yêu cầu, tiêu chí nêu trong Quy định này.

2. Tuyển chọn được áp dụng cho nhiệm vụ KHCN có nhiều tổ chức và cá nhân có khả năng tham gia thực hiện.

**Điều 3.** Xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KHCN

Xét chọn là việc lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ KHCN theo đặt hàng của Nhà nước thông qua việc xem xét, đánh giá Hồ sơ do tổ chức, cá nhân có năng lực và điều kiện cần thiết được giao trực tiếp chuẩn bị, trên

cơ sở những yêu cầu, tiêu chí nêu trong Quy định này đối với các loại nhiệm vụ KHCN sau:

1. Nhiệm vụ thuộc bí mật quốc gia, đặc thù của an ninh, quốc phòng.

2. Một số nhiệm vụ KHCN cấp bách.

3. Nhiệm vụ KHCN mà nội dung chỉ có một tổ chức KHCN hoặc cá nhân có đủ điều kiện về chuyên môn, trang thiết bị để thực hiện nhiệm vụ KHCN đó.

4. Dự án SXTN.

**Điều 4.** Nguyên tắc tuyển chọn, xét chọn

1. Việc tuyển chọn phải được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng để mọi tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện theo quy định có thể đăng ký tham gia.

2. Việc xét chọn được thông báo bằng văn bản đến các tổ chức, cá nhân dự kiến giao trực tiếp chủ trì các nhiệm vụ KHCN.

3. Việc tuyển chọn và xét chọn được thực hiện thông qua Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, xét chọn do Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập.

4. Việc đánh giá Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn được tiến hành bằng cách chấm điểm theo các tiêu chí cụ thể cho Đề tài và Dự án SXTN quy định tại Điều 13 và Điều 14 của Quy định này.

5. Mỗi nhiệm vụ KHCN đưa ra tuyển chọn, xét chọn khi đáp ứng điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Quy định này thì chỉ có nhiều nhất 01 hồ sơ được đề nghị trúng tuyển.

6. Khuyến khích việc hợp tác thực hiện nhiệm vụ KHCN giữa các tổ chức, các cá nhân tham gia tuyển chọn nhằm huy động được tối đa nguồn lực để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ.

**Điều 5.** Điều kiện tham gia tuyển chọn, xét chọn

1. Các tổ chức có tư cách pháp nhân, có chức năng hoạt động phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của nhiệm vụ KHCN có quyền tham gia tuyển chọn chủ trì nhiệm vụ KHCN.

2. Cá nhân đăng ký tuyển chọn làm chủ nhiệm nhiệm vụ KHCN phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu sau:

a) Có chuyên môn đào tạo phù hợp, trình độ đại học trở lên và đang hoạt động trong cùng chuyên ngành khoa học với nhiệm vụ KHCN trong 5 năm gần đây, tính từ thời điểm nộp hồ sơ;

b) Là người đề xuất ý tưởng chính và chủ trì tổ chức xây dựng Thuyết minh nhiệm vụ KHCN;

c) Bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc nghiên cứu của nhiệm vụ KHCN.

3. Cá nhân không được tham gia đăng ký tuyển chọn, xét chọn chủ trì nhiệm vụ KHCN cấp Nhà nước nếu đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ:

a) Đang chủ trì từ một (01) nhiệm vụ KH&CN cấp Nhà nước trở lên (kể cả trường hợp đã có Biên bản đánh giá nghiệm thu cấp Nhà nước nhưng ở mức “Không đạt”), bao gồm: đề tài, dự án SXTN thuộc các Chương trình; đề tài, dự án SXTN độc lập; các nhiệm vụ nghiên cứu theo Nghị định thư hợp tác KH&CN; các nhiệm vụ thuộc các dự án khoa học và công nghệ;

b) Chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo Hợp đồng thực hiện các dự án SXTN độc lập, các dự án SXTN thuộc Chương trình KHCN, dự án SXTN thuộc Dự án KH&CN và các Dự án nhập công nghệ đã được giao.

4. Cá nhân chủ trì các nhiệm vụ cấp Nhà nước giai đoạn 2001 - 2005 và 2006 - 2010 không được tham gia tuyển chọn, xét chọn chủ trì các nhiệm vụ KHCN trong thời gian hạn định trong các trường hợp sau:

a) Kết quả thực hiện nhiệm vụ KHCN được đánh giá nghiệm thu cấp Nhà nước ở mức “Không đạt” và không được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép gia hạn thời gian thực hiện để hoàn chỉnh kết quả; hoặc nhiệm vụ

KHCN bị cơ quan quản lý có thẩm quyền quyết định đình chỉ trong quá trình thực hiện do sai phạm thì không được tham gia tuyển chọn, xét chọn trong hai (02) năm, tính từ thời điểm có Kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Nhà nước, hoặc từ thời điểm có quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đình chỉ thực hiện nhiệm vụ;

b) Vi phạm quy định hiện hành về đánh giá nghiệm thu Đề tài KH&CN cấp Nhà nước trong việc nộp Hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở chậm so với thời hạn kết thúc Hợp đồng nghiên cứu từ sáu (06) tháng trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của Bộ Khoa học và Công nghệ, sẽ không được tham gia tuyển chọn, xét chọn trong thời gian tương ứng như sau:

- Một (01) năm, tính từ thời điểm nộp Hồ sơ đánh giá nghiệm thu thực tế nếu nộp chậm từ sáu (06) tháng đến dưới 24 tháng;

- Hai (02) năm, tính từ thời điểm nộp Hồ sơ đánh giá nghiệm thu thực tế nếu nộp chậm từ 24 tháng trở lên.

5. Xác nhận điều kiện tham gia tuyển chọn, xét chọn:

a) Tổ chức chủ trì mở Hồ sơ thực hiện việc xác nhận các điều kiện quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này khi mở Hồ sơ;

b) Các vụ chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban chủ nhiệm Chương trình theo phạm vi quản lý các Đề tài, Dự án SXTN của mình thực hiện việc xác nhận điều kiện tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này trước khi mở Hồ sơ.

### **Điều 6.** Điều kiện trúng tuyển

1. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn được Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, xét chọn đề nghị trúng tuyển chủ trì đề tài, dự án SXTN theo quy định tại điểm 2.4.b.1 (đối với Đề tài) và 2.4.b.2 (đối với Dự án SXTN) Khoản 2 Điều 16 và ý kiến đồng ý của Ban chủ nhiệm chương trình theo quy định tại Khoản 1 Điều 17 của Quy định này (đối với Đề tài, Dự án SXTN thuộc Chương trình).

2. Cá nhân đồng thời đăng ký chủ trì từ 02 nhiệm vụ KHCN cấp nhà nước trở lên, nếu các Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn được đề nghị trúng tuyển theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì chỉ được lựa chọn chủ trì 01 nhiệm vụ.

## Chương II

### THÔNG BÁO VÀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THAM GIA TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN

**Điều 7.** Thông báo tuyển chọn, xét chọn

Hàng năm, việc thông báo tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì các nhiệm vụ KHCN cấp nhà nước được Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện như sau:

1. Thông báo tóm tắt về việc tuyển chọn Đề tài được thực hiện trên Chương trình VTV1 của Đài Truyền hình Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam, Báo Nhân dân và Báo Sài Gòn giải phóng. Thông báo chi tiết được đăng đầy đủ trên Báo Khoa học và Phát triển, trên các trang tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ (<http://www.most.gov.vn/>), (<http://www.tchdkh.org.vn/>), (<http://www.vista.gov.vn/>).

2. Thông báo về việc xét chọn Đề tài, Dự án SXTN được thực hiện bằng phương thức gửi văn bản đến các tổ chức được giao trực tiếp chuẩn bị Hồ sơ.

3. Ban Chủ nhiệm Chương trình phối hợp với Văn phòng các Chương trình thực hiện việc thông báo đối với Đề tài, Dự án SXTN thuộc các Chương trình. Các vụ chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện việc thông báo đối với Đề tài, Dự án SXTN độc lập.

4. Nội dung thông báo theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

**Điều 8.** Bộ Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn

Bộ Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển

chọn, xét chọn gồm những văn bản, tài liệu dưới đây:

1. Đơn đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án SXTN theo biểu mẫu quy định (Biểu B1-1-ĐONTC);

2. Thuyết minh Đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (gọi tắt là Đề tài KHHCN), thuyết minh Dự án SXTN theo mẫu quy định (Biểu B1-2-TMĐT và Biểu B1-2-TMDA tương ứng);

3. Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN (Biểu B1-3-LLTC);

4. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ trì và các cá nhân đăng ký thực hiện chính Đề tài, Dự án SXTN (theo danh sách kê khai tại mục 12 của thuyết minh Đề tài, mục 11 của thuyết minh Dự án) - Biểu B1-4-LLCN;

5. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện Đề tài, Dự án SXTN (theo danh sách kê khai tại mục 12 của thuyết minh Đề tài, mục 11 của thuyết minh Dự án phối hợp nghiên cứu - nếu có) - Biểu B1-5-PHNC.

6. Các văn bản chứng minh không thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 5 của Quy định này - nếu có (bản sao Biên bản nghiệm thu của Hội đồng KH&CN cấp Nhà nước, chứng từ nộp kinh phí thu hồi,..).

7. Các văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ nguồn khác đối với Dự án SXTN.

Mỗi văn bản trong Bộ Hồ sơ phải có dấu của tổ chức và chữ ký của cá nhân tương ứng như đã quy định trên từng biểu mẫu.

**Điều 9.** Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn

Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn (sau đây gọi tắt là Hồ sơ) bao gồm: một (01) bộ Hồ sơ gốc và 15 bản sao bộ Hồ sơ gốc, được đóng gói trong túi Hồ sơ có niêm phong và bên ngoài ghi rõ như sau:

1. Tên Đề tài hoặc Dự án SXTN đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn (ghi rõ: tên Đề tài hoặc Dự án SXTN; tên, mã số của Chương trình).

2. Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký chủ trì và tổ chức tham gia phối hợp thực hiện Đề tài, Dự án SXTN (chỉ ghi danh sách tổ chức đã có xác nhận tham gia phối hợp).

3. Họ tên của cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện (làm chủ nhiệm) Đề tài, Dự án SXTN và Danh sách những người tham gia chính thực hiện Đề tài, Dự án SXTN (chỉ ghi danh sách cá nhân đã có xác nhận tham gia phối hợp).

4. Danh mục tài liệu, văn bản có trong Hồ sơ.

**Điều 10.** Nộp Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn

1. Nơi nhận Hồ sơ: Theo thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Hình thức nộp Hồ sơ: Gửi qua Bru điện hoặc nộp trực tiếp.

3. Hồ sơ phải nộp đúng hạn theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ.

4. Ngày chứng thực nhận Hồ sơ là ngày ghi ở dấu của Bru điện Hà Nội (trường hợp gửi qua Bru điện) hoặc dấu đến của cơ quan tiếp nhận Hồ sơ (trường hợp nộp trực tiếp).

5. Trong thời hạn quy định nộp Hồ sơ, tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, xét chọn có quyền rút Hồ sơ đã nộp để thay bằng Hồ sơ mới hoặc bổ sung Hồ sơ đã nộp. Việc thay Hồ sơ mới và bổ sung Hồ sơ phải hoàn tất trước thời hạn nộp hồ sơ theo quy định; văn bản bổ sung là bộ phận cấu thành của Hồ sơ.

### Chương III

## TỔ CHỨC ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ THAM GIA TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN

### **Điều 11.** Mở Hồ sơ

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN thuộc các Chương trình: Ban Chủ nhiệm Chương trình chịu trách nhiệm mở Hồ sơ

tuyển chọn, xét chọn. Đại diện Bộ Khoa học và Công nghệ, Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, xét chọn, các cơ quan liên quan và đại diện các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc được chỉ định xét chọn được mời tham dự.

2. Đối các nhiệm vụ KH&CN độc lập: Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm mở Hồ sơ tuyển chọn, xét chọn. Đại diện Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, xét chọn, các cơ quan liên quan và đại diện các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc được mời tham dự.

3. Hồ sơ hợp lệ là Hồ sơ được chuẩn bị theo đúng các biểu mẫu và đáp ứng được các yêu cầu quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 5, Điều 8 và các khoản 3 và 5 Điều 10 của Quy định này.

Đối với Dự án SXTN, ngoài những yêu cầu nêu trên, Hồ sơ đăng ký tham gia xét chọn chỉ được coi là hợp lệ khi có các văn bản pháp lý cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ các nguồn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học đạt ít nhất 70% tổng kinh phí đầu tư dự kiến cần thiết để triển khai.

Hồ sơ hợp lệ được đưa vào xem xét, đánh giá.

4. Quá trình mở Hồ sơ được ghi thành Biên bản (theo Phụ lục I - Biểu B2-1-BBHSTC).



**Điều 12.** Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn tuyển chọn, xét chọn

1. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập các Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, xét chọn cho các nhiệm vụ KHCN (sau đây gọi là Hội đồng) trên cơ sở đề xuất của Ban chủ nhiệm Chương trình (đối với Đề tài, Dự án SXTN thuộc Chương trình) hoặc đề xuất của các vụ chức năng (đối với các Đề tài, Dự án SXTN độc lập). Mỗi Hội đồng chỉ thực hiện tư vấn cho một nhiệm vụ KHCN.

2. Hội đồng gồm từ 9 đến 11 thành viên, gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên khác. Thành phần của Hội đồng gồm:

- 2/3 là các chuyên gia có uy tín, có tinh thần trách nhiệm, có trình độ, chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành khoa học được giao tư vấn và có ít nhất 5 năm kinh nghiệm hoạt động gần đây trong chuyên ngành khoa học được giao tư vấn.

- 1/3 là đại diện của các cơ quan quản lý Nhà nước, cơ quan hoạch định chính sách, bộ, ngành, tổng công ty, tập đoàn kinh tế và doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu của nhiệm vụ KHCN.

Các chuyên gia, đặc biệt là các ủy viên phản biện, đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KHCN được ưu

tiên mời tham gia Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn nhiệm vụ tương ứng.

3. Cá nhân không tham gia Hội đồng trong các trường hợp sau:

a) Cá nhân đăng ký chủ trì và tham gia thực hiện Đề tài, Dự án SXTN.

b) Cá nhân thuộc tổ chức đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN. Trong trường hợp cần thiết, thành viên Hội đồng có thể là cán bộ đang công tác tại tổ chức đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN nhưng không quá 01 người và không được làm Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc chuyên gia phản biện.

c) Thành viên Ban chủ nhiệm Chương trình.

4. Các Ban chủ nhiệm chương trình chủ trì, phối hợp với Văn phòng các Chương trình tổ chức các phiên họp Hội đồng tuyển chọn, xét chọn các nhiệm vụ KHCN thuộc các Chương trình.

Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức các phiên họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, xét chọn các nhiệm vụ KHCN độc lập và cử các thư ký hành chính giúp việc các Hội đồng.

5. Các thành viên Hội đồng thực hiện đánh giá một cách trung thực, khách quan và công bằng; chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và

trách nhiệm tập thể về kết luận chung của Hội đồng. Các chuyên gia phản biện, các thành viên Hội đồng và các Thư ký Hội đồng có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá tuyển chọn, xét chọn.

**Điều 13.** Tiêu chí đánh giá tuyển chọn, xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì Đề tài

Hồ sơ tuyển chọn, xét chọn được đánh giá theo 2 phần: Đánh giá thuyết minh của Đề tài (Phần 1) và Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài (Phần 2).

### Phần 1

## ĐÁNH GIÁ THUYẾT MINH ĐỀ TÀI (TỐI ĐA 100 ĐIỂM), THEO CÁC TIÊU CHÍ VÀ THANG ĐIỂM DƯỚI ĐÂY

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
I. Đánh giá chung về mục tiêu của Đề tài (Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 13 & 15.2 của thuyết minh Đề tài)	<u>10</u>
1. Mức độ phù hợp, rõ ràng và cụ thể của mục tiêu Đề tài so với yêu cầu đặt ra (định hướng mục tiêu theo đặt hàng - nếu có)	5
2. Mức độ đầy đủ, rõ ràng và hợp lý trong việc đánh giá, phân tích tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước để đặt ra mục tiêu Đề tài	5
II. Tổng quan về tình hình nghiên cứu và luận giải về những nội dung nghiên cứu của Đề tài cần thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra (Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 15, 16 và 17 của thuyết minh Đề tài)	<u>20</u>
3. Mức độ đầy đủ, rõ ràng và hợp lý trong việc đánh giá, phân tích tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước; mức độ cập nhật thông tin mới nhất về lĩnh vực nghiên cứu	5
4. Tính khoa học, cụ thể, rõ ràng của việc luận giải về sự cần thiết phải nghiên cứu Đề tài	5

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
5. Tính đầy đủ, phù hợp của các nội dung nghiên cứu cần tiến hành trong khuôn khổ của Đề tài để đạt được mục tiêu đề ra	5
6. Tính khoa học, đầy đủ và logic trong việc luận giải về các nội dung nghiên cứu cần tiến hành của Đề tài	5
III. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng (Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào Mục 18 của thuyết minh Đề tài)	<u>15</u>
7. Tính khoa học, độc đáo của cách tiếp cận nghiên cứu	5
8. Tính đầy đủ, phù hợp của các phương pháp nghiên cứu đối với các nội dung nghiên cứu chính để đạt được mục tiêu đề ra	5
9. Tính phù hợp của kỹ thuật sử dụng	5
IV. Sản phẩm KH-CN của Đề tài (Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào mục 22 của thuyết minh Đề tài)	<u>20</u>
10. Mức độ đầy đủ và phù hợp của các sản phẩm Đề tài so với yêu cầu theo đặt hàng (nếu có) và so với mục tiêu, nội dung nghiên cứu đặt ra	5
11. Mức độ làm rõ sản phẩm chính của Đề tài	5
12. Mức độ tiên tiến về chất lượng và trình độ KH&CN của các sản phẩm tạo ra so với sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài	5
13. Tính khả thi của sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; của công trình dự kiến công bố trong nước và nước ngoài và của việc đào tạo trên đại học thông qua việc thực hiện Đề tài	5

09370296

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
V. Khả năng ứng dụng các sản phẩm đề tài và tác động của các kết quả nghiên cứu (Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 23, 24 và 25 của thuyết minh Đề tài)	<u>15</u>
14. Khả năng về thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra (dự báo nhu cầu thị trường; khả năng cạnh tranh về giá thành, chất lượng, ... so với sản phẩm, công nghệ cùng loại)	5
15. Tính hợp lý và khả thi của phương án chuyên giao kết quả nghiên cứu và các địa chỉ dự kiến áp dụng	5
16. Tác động và lợi ích dự kiến của kết quả nghiên cứu	5
VI. Tính khả thi của phương án tổ chức thực hiện Đề tài (Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 17, 19, 20, 21 của thuyết minh Đề tài, Dự toán kinh phí chi tiết thực hiện Đề tài và các bản Tóm tắt hoạt động của Tổ chức, cá nhân tham gia chính thực hiện Đề tài)	<u>20</u>
17. Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp với các tổ chức trong nước và hợp tác quốc tế để thực hiện các nội dung nghiên cứu của Đề tài	5
18. Tính hợp lý trong bố trí kế hoạch: nội dung, các mốc thời gian phải đạt; khả năng hoàn thành; việc huy động các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để thực hiện Đề tài	5
19. Mức độ xác thực của tổng dự toán kinh phí so với nội dung và sản phẩm dự kiến tạo ra của Đề tài; tính hợp lý trong việc bố trí kinh phí cho các nội dung nghiên cứu	5
20. Đánh giá chung về tính logic, hợp lý, cân đối và khả thi của toàn bộ nội dung của Thuyết minh đề tài	5
Tổng số	100

09670296

## Phần 2

**ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CỦA CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN  
ĐỀ TÀI - CÁC TIÊU CHÍ KHUYẾN KHÍCH (TỐI ĐA 14 ĐIỂM),  
THEO 2 NHÓM TIÊU CHÍ DƯỚI ĐÂY:**

1. Kết quả hoạt động KH&CN liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của Đề tài xét trong 5 năm gần đây (tối đa 8 điểm) :

Tiêu chí	Điểm tối đa
1. Là tác giả hoặc đồng tác giả của một hoặc nhiều bài báo được đăng trên Tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế (theo danh mục các tạp chí được Viện ISI công nhận)	2
2. Là tác giả hoặc đồng tác giả của một hoặc nhiều giải pháp kỹ thuật, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	3
3. Có Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về KH&CN	3

2. Đóng góp cho sản xuất và đời sống (về khoa học công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của Đề tài), xét trong 5 năm gần đây (tối đa 6 điểm):

Tiêu chí	Điểm tối đa
1. Là tác giả hoặc đồng tác giả của các kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng vào sản xuất, đời sống (được cấp có thẩm quyền xác nhận, có địa chỉ ứng dụng cụ thể)	3
2. Chủ trì hoặc tham gia chính các Dự án SXTN thành công trên cơ sở triển khai kết quả nghiên cứu Đề tài KH&CN từ cấp bộ hoặc tương đương trở lên (có xác nhận của cơ quan quản lý KH&CN)	3

**Điều 14.** Tiêu chí đánh giá xét chọn tổ chức, cá nhân chủ trì Dự án SXTN

Hồ sơ xét chọn được đánh giá theo các tiêu chí và thang điểm dưới đây (tối đa 100 điểm)

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
I. Giá trị công nghệ của Dự án (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.1, 14.1, 14.2, 15.1 và 15.2, 17 của Thuyết minh dự án)	<u>20</u>
1. Mức độ hoàn thiện, cải tiến công nghệ của Dự án so với công nghệ là xuất xứ	5
2. Trình độ công nghệ chủ yếu của Dự án (các chỉ tiêu KT-KT, chỉ tiêu bảo vệ môi trường,...) so với công nghệ tương tự trong nước và ngoài nước	5
3. Mức độ tiên tiến của sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của Dự án (tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh môi trường,...) so sánh với sản phẩm tương tự trong nước và ở ngoài nước	5
4. Tính hợp lý của quy mô Dự án	5
II. Tính khả thi của phương án triển khai Dự án (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ mục 16 của Thuyết minh dự án)	<u>20</u>
5. Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức thực hiện	5
6. Khả năng hợp tác, liên kết giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp	5
7. Tính hợp lý, đầy đủ, xác thực của phương án tài chính	5
8. Khả năng hoàn trả kinh phí thu hồi (đầy đủ, đúng hạn,...)	5
III. Đầu tư và lợi ích trực tiếp của Dự án (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ phần III, các mục 16.2, 13.2 và 13.3 của Thuyết minh dự án)	<u>20</u>
9. Tính hợp lý của tổng vốn đầu tư thực hiện Dự án so với kết quả dự kiến tạo ra	5

09670295

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
10. Tính khả thi của phương án huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học để thực hiện Dự án	5
11. Mức độ xác thực của kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách so với kết quả và mục đích đầu tư, tính hợp lý của việc phân bổ các khoản chi tương ứng để thực hiện Dự án	5
12. Lợi ích trực tiếp dự kiến mang lại (kinh tế, việc làm, đào tạo cán bộ,...)	5
IV. Khả năng thương mại hóa sản phẩm và tác động lâu dài của Dự án sau khi kết thúc (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.5 và mục 16.3 của Thuyết minh dự án)	<u>20</u>
13. Tính xác thực của dự báo nhu cầu, đánh giá khả năng cung ứng trên thị trường đối với sản phẩm tạo ra của Dự án	5
14. Tính cụ thể và khả thi của phương án tiêu thụ sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của Dự án	5
15. Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của Dự án (giá thành, chất lượng,...)	5
16. Khả năng chuyển giao, nhân rộng kết quả của Dự án, tự tổ chức SX-KD, thành lập doanh nghiệp KHCN	5
V. Năng lực thực hiện Dự án (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.4, 16 và phần III của Thuyết minh dự án và các bản Lý lịch khoa học của các cá nhân thực hiện chính Dự án)	<u>20</u>
17. Năng lực, uy tín về nghiên cứu KH&CN và kinh nghiệm, năng lực tổ chức, quản lý của cá nhân chủ trì Dự án	5

09670296

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
18. Năng lực của các cá nhân tham gia chính thực hiện Dự án (trình độ, kinh nghiệm, thời gian thực tế có thể tham gia)	5
19. Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và các tổ chức phối hợp chính (khả năng huy động cơ sở vật chất, nhân lực,...)	5
20. Đánh giá chung về tính hợp lý, cân đối và khả thi của toàn bộ nội dung của Thuyết minh Dự án	5
<b>Tổng cộng</b>	<b>100</b>

**Điều 15.** Nguyên tắc làm việc của Hội đồng

1. Các thành viên Hội đồng có trách nhiệm nghiên cứu, phân tích từng nội dung và thông tin đã kê khai trong Hồ sơ; nhận xét đánh giá mặt mạnh, mặt yếu và đánh giá chung từng Hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định, viết nhận xét - đánh giá và luận giải cho việc đánh giá và cho điểm theo các tiêu chí tại các biểu mẫu quy định và gửi thư ký Chương trình (đối với các nhiệm vụ KHHCN thuộc Chương trình) hoặc thư ký hành chính (đối với các nhiệm vụ KHHCN độc lập) trước khi họp Hội đồng.

2. Hội đồng phân công 02 thành viên am hiểu sâu lĩnh vực nghiên cứu của nhiệm vụ KHHCN làm phản biện nhận xét và đánh giá tất cả các Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn đối với nhiệm vụ KHHCN theo các tiêu chí tại các biểu mẫu

quy định. Khi cần thiết, Hội đồng kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ (thông qua Ban chủ nhiệm Chương trình đối với các nhiệm vụ KHHCN thuộc Chương trình) mời các chuyên gia ở ngoài Hội đồng có am hiểu sâu lĩnh vực nghiên cứu nhiệm vụ KHHCN làm phản biện nhận xét về toàn bộ Hồ sơ và đánh giá các Hồ sơ.

Thành viên Hội đồng và chuyên gia bên ngoài Hội đồng làm phản biện sau đây gọi chung là chuyên gia phản biện.

3. Phiên họp của Hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của Hội đồng, trong đó có Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch và phải có mặt đủ các chuyên gia phản biện.

4. Chủ tịch Hội đồng chủ trì các phiên họp Hội đồng. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng vắng mặt, Phó Chủ tịch Hội đồng chủ trì phiên họp của Hội



đồng. Hội đồng cử Thư ký khoa học để ghi chép các ý kiến về chuyên môn của các thành viên và các kết luận của Hội đồng trong các biên bản làm việc và các văn bản liên quan của Hội đồng.

5. Các thành viên của Hội đồng chấm điểm độc lập theo các nhóm chỉ tiêu đánh giá và thang điểm quy định. Trước khi chấm điểm Hội đồng thảo luận chung để thống nhất quan điểm, phương thức cho điểm đối với từng tiêu chí.

**Điều 16.** Trình tự làm việc của Hội đồng

Hội đồng làm việc theo 2 kỳ họp

1. Kỳ họp thứ nhất: Hội đồng thống nhất phương thức làm việc

1.1. Thư ký Chương trình (đối với các nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình), hoặc Thư ký hành chính (đối với các nhiệm vụ KHCN độc lập) đọc Quyết định thành lập Hội đồng, giới thiệu thành phần Hội đồng và các đại biểu tham dự.

1.2. Đại diện Ban Chủ nhiệm Chương trình (đối với các nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình) hoặc Đại diện Bộ KH&CN (đối với các nhiệm vụ KHCN độc lập) nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu về việc tuyển chọn, xét chọn Đề tài, Dự án SXTN của Quy định này.

1.3. Thư ký Chương trình (đối với các nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình) hoặc Thư ký hành chính (đối với các

nhiệm vụ KHCN độc lập) đọc Biên bản mở Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn (Phụ lục I - Biểu B2-1-BBHSTC), thông báo số lượng và danh mục Hồ sơ đủ điều kiện được Hội đồng đưa vào xem xét đánh giá theo quy định tại Điều 9 của Quy định này.

1.4. Hội đồng thảo luận trao đổi để quán triệt nguyên tắc, quy trình và các tiêu chí đánh giá, thang điểm và cách chấm điểm các Hồ sơ theo Quy định này.

1.5. Các thành viên Hội đồng nhận Hồ sơ và chuẩn bị ý kiến nhận xét, đánh giá bằng văn bản theo các biểu mẫu tương ứng sau đây của Phụ lục II:

- Biểu B2-2-PNXĐT đối với Đề tài KHCN;

- Biểu B2-2-PNXDA đối với Dự án SXTN.

1.6. Hội đồng thống nhất ngày họp tiếp theo để đánh giá tuyển chọn, xét chọn các Hồ sơ.

2. Kỳ họp thứ hai: Hội đồng tiến hành đánh giá tuyển chọn, xét chọn Hồ sơ

2.1. Trình bày ý kiến phản biện về nhận xét đánh giá Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn Đề tài, Dự án SXTN.

- Các chuyên gia phản biện đánh giá, phân tích từng Hồ sơ; đánh giá nhận định chung về mặt mạnh, mặt yếu của từng Hồ sơ và so sánh giữa các Hồ sơ

đăng ký tuyển chọn cùng một (01) Đề tài, Dự án SXTN theo các tiêu chí quy định tại Biểu B2-2-PNXĐT đối với Đề tài KHCN và Biểu B2-2-PNXDA đối với Dự án SXTN.

- Hội đồng có thể nêu câu hỏi đối với các chuyên gia phản biện về từng tiêu chí đánh giá liên quan đến từng Hồ sơ.

- Sau khi trả lời các câu hỏi của các thành viên Hội đồng, các chuyên gia phản biện không là thành viên Hội đồng không tiếp tục dự phiên họp đánh giá tuyển chọn, xét chọn của Hội đồng.

- Thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) để Hội đồng nghiên cứu, tham khảo.

2.2. Hội đồng thảo luận, đánh giá Hồ sơ

a) Hội đồng trao đổi, thảo luận từng Hồ sơ theo các tiêu chí đánh giá đã được quy định, nhận xét đánh giá mặt mạnh, mặt yếu của từng Hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định và đánh giá so sánh giữa các Hồ sơ tuyển chọn, xét chọn cho cùng một (01) nhiệm vụ KHCN;

b) Sau khi trao đổi các thành viên Hội đồng cho điểm độc lập theo các tiêu chí và thang điểm quy định tại các biểu mẫu tương ứng sau của Phụ lục III:

- Biểu B2-3-PTCĐT (Phần I và Phần II) đối với Đề tài KHCN;

- Biểu B2-3-PXCDA đối với Dự án SXTN.

2.3. Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu và bỏ phiếu

Ban kiểm phiếu gồm 3 thành viên Hội đồng (trong đó bầu một trưởng ban). Các thư ký của Chương trình hoặc thư ký hành chính có trách nhiệm giúp Ban kiểm phiếu làm việc.

Hội đồng bỏ phiếu đánh giá chấm điểm cho từng Hồ sơ theo phương thức bỏ phiếu kín. Phiếu đánh giá hợp lệ là phiếu thực hiện theo đúng chỉ dẫn ghi trên phiếu.

2.4. Tổng hợp kết quả đánh giá tuyển chọn, xét chọn

a) Ban kiểm phiếu tổng hợp và báo cáo Hội đồng kết quả kiểm phiếu theo Phụ lục IV - Biểu B2-4-KPĐGTCĐT (tổng hợp riêng Phần I và Phần II) đối với Đề tài KHCN và Biểu B2-4-KPĐGXDA đối với Dự án SXTN;

b) Hội đồng xếp hạng các Hồ sơ có tổng số điểm đánh giá từ cao xuống thấp theo các biểu tại Phụ lục V (Biểu B2-5-THĐGTCĐT đối với Đề tài và Biểu B2-5-THĐGXDA đối với Dự án SXTN) với các điều kiện sau đây:

b.1. Đối với Đề tài:

- Hồ sơ có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí trong Phần I đạt từ 70/100 điểm trở lên, trong đó, điểm trung bình

của từng tiêu chí không dưới 3 điểm và phải được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho điểm từ 3 trở lên. Hội đồng xếp hạng các Hồ sơ đăng ký có tổng số điểm đánh giá của Phần I và Phần II từ cao xuống thấp.

- Đối với các Hồ sơ có tổng số điểm đánh giá của Phần I và Phần II bằng nhau thì điểm cao hơn của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm của Phó Chủ tịch Hội đồng, trong trường hợp chủ tịch Hội đồng vắng mặt) được ưu tiên để xếp hạng.

Trường hợp điểm của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm của Phó Chủ tịch Hội đồng, trong trường hợp chủ tịch Hội đồng vắng mặt) đối với các Hồ sơ cũng giống nhau, Hội đồng xếp hạng bằng nhau và kiến nghị về phương án lựa chọn.

#### b.2. Đối với Dự án SXTN:

- Hồ sơ có tổng số điểm trung bình của các tiêu chí phải đạt từ 65/100 điểm trở lên, trong đó, điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 3 điểm và phải được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho điểm từ 3 trở lên.

- Đối với các Hồ sơ có tổng số điểm đánh giá bằng nhau thì điểm cao hơn của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm của Phó Chủ tịch Hội đồng, trong trường hợp chủ tịch Hội đồng vắng mặt) được ưu tiên để xếp hạng.

Trường hợp điểm của Chủ tịch Hội đồng (hoặc điểm của Phó Chủ tịch Hội đồng, trong trường hợp chủ tịch Hội đồng vắng mặt) đối với các Hồ sơ cũng giống nhau, Hội đồng xếp hạng bằng nhau và kiến nghị về phương án lựa chọn.

2.5. Hội đồng thông qua Biên bản về kết quả làm việc của Hội đồng, kiến nghị tổ chức và cá nhân trúng tuyển chủ trì Đề tài, Dự án SXTN:

a) Tổ chức, cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển là tổ chức, cá nhân có Hồ sơ được xếp hạng với điểm cao nhất tại điểm 2.4.b.1 (đối với Đề tài) và 2.4.b.2 (đối với Dự án SXTN) khoản 2 Điều này;

b) Hội đồng thảo luận để thống nhất kiến nghị những điểm bổ sung, sửa đổi cần thiết đối với từng phần đã nêu trong Thuyết minh Đề tài hoặc Thuyết minh Dự án SXTN, các sản phẩm KH&CN chính với những chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng phải đạt và kiến nghị về kinh phí cho việc thực hiện Đề tài, Dự án SXTN hoặc nêu những điểm cần lưu ý để hoàn thiện Hồ sơ của tổ chức và cá nhân được Hội đồng đề nghị trúng tuyển;

c) Hội đồng xây dựng Biên bản làm việc theo mẫu tại Phụ lục VI - Biểu B2-6-BBHĐTC gửi Ban Chủ nhiệm Chương trình (đối với các nhiệm vụ KHCN thuộc

Chương trình) hoặc gửi Bộ Khoa học và Công nghệ (đối với các nhiệm vụ KHCN độc lập).

### 3. Lưu giữ Hồ sơ gốc

Khi kết thúc quá trình tuyển chọn, xét chọn, thư ký Chương trình, thư ký hành chính của Hội đồng có trách nhiệm nộp bộ Hồ sơ gốc (kể cả Hồ sơ trúng tuyển và Hồ sơ không trúng tuyển) để lưu tại Phòng Lưu trữ, Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ.

## Chương IV

### PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN

**Điều 17.** Phê duyệt kết quả tuyển chọn, xét chọn

1. Đối với các nhiệm vụ KHCN thuộc Chương trình, Ban Chủ nhiệm Chương trình tổng hợp kết quả đánh giá của Hội đồng và có ý kiến nhận xét cụ thể đối với hồ sơ được đề nghị trúng tuyển của từng nhiệm vụ KHCN (đồng ý hoặc không đồng ý, nêu rõ lý do và đề xuất biện pháp xử lý) gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

Các vụ chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ xử lý, tổng hợp kết quả tuyển chọn, xét chọn để trình Bộ trưởng phê duyệt danh mục nhiệm vụ trúng tuyển của các chương trình.

2. Đối với các nhiệm vụ KHCN độc lập cấp nhà nước, các vụ chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm xử lý, tổng hợp kết quả tuyển chọn, xét chọn trình Bộ trưởng phê duyệt.

3. Trong trường hợp cần thiết, Bộ Khoa học và Công nghệ có thể kiểm tra hoặc đề nghị Ban Chủ nhiệm Chương trình kiểm tra thực tế cơ sở vật chất - kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của tổ chức được đề nghị trúng tuyển trước khi phê duyệt.

4. Kết quả tuyển chọn, xét chọn sau khi phê duyệt được thông báo đến các tổ chức, cá nhân trúng tuyển, cơ quan chủ quản của tổ chức trúng tuyển và công bố trên Báo Khoa học và Phát triển, trên các trang tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ (<http://www.most.gov.vn/>; <http://www.tchdkh.org.vn/>; <http://www.vista.gov.vn/>);

a) Ban Chủ nhiệm Chương trình phối hợp với Văn phòng các Chương trình thực hiện việc thông báo đối với Đề tài, Dự án SXTN thuộc các Chương trình;

b) Các vụ chức năng thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện việc thông báo đối với Đề tài, Dự án SXTN độc lập.

5. Tổ chức, cá nhân trúng tuyển chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án SXTN có trách nhiệm chỉnh sửa, hoàn thiện Hồ sơ

trúng tuyển theo kết luận của Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, xét chọn trước khi thẩm định nội dung và kinh phí để Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt và bố trí kế hoạch thực hiện.

## Chương V

### XỬ LÝ VI PHẠM TRONG TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN

**Điều 18.** Xử lý vi phạm trong tuyển chọn, xét chọn

1. Cán bộ công chức, viên chức (kể cả cán bộ hợp đồng), thành viên Ban chủ nhiệm Chương trình vi phạm các quy định về tuyển chọn, xét chọn sẽ bị xử lý theo các quy định của Pháp lệnh công chức, viên chức và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn, xét chọn kê khai thông tin không trung thực trong Hồ sơ làm sai lệch kết quả đánh giá thì kết quả tuyển chọn, xét chọn bị hủy bỏ và bị xử lý theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và các quy định của pháp luật hiện hành.

3. Thành viên Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn, xét chọn đánh giá thiếu khách quan, công bằng, trung thực, vi

phạm nguyên tắc giữ bí mật của thông tin thì không được mời tham gia các Hội đồng KH&CN và bị xử lý theo quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ và các quy định của pháp luật hiện hành.

### **Điều 19.** Khiếu nại, tố cáo

1. Tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, khởi kiện đối với các quyết định hành chính và hành vi hành chính của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền liên quan đến việc tuyển chọn, xét chọn tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài, dự án SXTN.

2. Công dân có quyền tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tuyển chọn, xét chọn tổ chức và cá nhân chủ trì đề tài, dự án SXTN.

3. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo các quy định của pháp luật.

## Chương VI

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### **Điều 20.** Vận dụng Quy định

Cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vận dụng Quy

định này để xây dựng, trình cơ quan có thẩm quyền ban hành Quy định về tuyển chọn, xét chọn nhiệm vụ KH&CN thuộc phạm vi quản lý.

**Điều 21. Tổ chức thực hiện**

Việc sửa đổi bổ sung Quy định này do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để xem xét, điều chỉnh./.

KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG

Lê Đình Tiến

## Biểu B1-1-ĐONTC

ĐƠN ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ THỰC HIỆN  
ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC

(ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11 tháng 5  
năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

## B1-1-ĐONTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐĂNG KÝ<sup>1</sup>  
CHỦ TRÌ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN  
CẤP NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ thông báo của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc tuyển chọn, xét chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án SXTN năm 200..., chúng tôi:

a).....  
.....  
.....  
.....

(Tên, địa chỉ của tổ chức đăng ký tuyển chọn, xét chọn làm cơ quan chủ trì Đề tài,  
Dự án SXTN)

b).....  
.....  
.....

<sup>1</sup> Đơn này được trình bày và in ra trên khổ giấy A4

(Họ và tên, học vị, chức vụ địa chỉ cá nhân đăng ký tuyển chọn, xét chọn làm chủ nhiệm Đề tài, Dự án SXTN)

xin đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án SXTN:

.....  
.....  
.....  
.....

Thuộc lĩnh vực KH&CN:

.....

Thuộc Chương trình KH&CN (nếu có):

.....

Mã số của Chương trình:.....

Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án SXTN gồm:

1. Thuyết minh đề tài theo biểu B1-2-TMĐT, hoặc Thuyết minh dự án SXTN theo biểu B1-2-TMDA.
2. Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN theo biểu B1-3-LLTC.
3. Lý lịch khoa học của.....<sup>2</sup> cá nhân đăng ký chủ nhiệm và tham gia chính Đề tài, Dự án SXTN theo biểu B1-4-LLCN.
4. Văn bản xác nhận về sự đồng ý của các tổ chức đăng ký phối hợp nghiên cứu theo biểu B1-5-PHNC - nếu có phối hợp nghiên cứu.
5. Các văn bản pháp lý chứng minh khả năng huy động vốn từ nguồn khác (nếu có kê khai huy động vốn từ nguồn khác).
6. Các văn bản khác (bản sao Biên bản nghiệm thu của Hội đồng KH&CN cấp Nhà nước, chứng từ nộp kinh phí thu hồi,..).

0970296



Chúng tôi xin cam đoan những nội dung và thông tin kê khai trong Hồ sơ này là đúng sự thật.

CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ  
NHIỆM ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN  
(Họ, tên và chữ ký)

....., ngày..... tháng..... năm 200...  
THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ  
TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN  
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

---

<sup>2</sup> Ghi số người đăng ký tham gia thực hiện chính đề tài, dự án SXTN.

## Biểu B1-2-TMĐT

## THUYẾT MINH ĐỀ TÀI

(ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

## B1-2-TMĐT

THUYẾT MINH ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU  
KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ<sup>1</sup>

## I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

1	Tên đề tài	2	Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển)
3	Thời gian thực hiện:..... tháng (Từ tháng.../200..... đến tháng.../200.....)	4	Cấp quản lý Nhà nước <input type="checkbox"/> Bộ <input type="checkbox"/> Tỉnh <input type="checkbox"/> Cơ sở <input type="checkbox"/>
5	Kinh phí ..... triệu đồng, trong đó:		
	Nguồn	Tổng số	
	- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học		
	- Từ nguồn tự có của tổ chức		
	- Từ nguồn khác		
6	<input type="checkbox"/> Thuộc Chương trình (Ghi rõ tên chương trình, nếu có), Mã số: <input type="checkbox"/> Thuộc dự án KH&CN; <input type="checkbox"/> Đề tài độc lập;		

<sup>1</sup> Bản Thuyết minh này dùng cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ thuộc 4 lĩnh vực khoa học nêu tại mục 7 của Thuyết minh. Thuyết minh được trình bày và in trên khổ A4

7 Lĩnh vực khoa học

 Tự nhiên; Nông, lâm, ngư nghiệp; Kỹ thuật và công nghệ; Y dược.

8 Chủ nhiệm đề tài

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Nam/Nữ:.....

Học hàm, học vị:.....

Chức danh khoa học:..... Chức vụ .....

Điện thoại:

Tổ chức:..... Nhà riêng:..... Mobile: .....

Fax:..... E-mail: .....

Tên tổ chức đang công tác:.....

Địa chỉ tổ chức:.....

.....

Địa chỉ nhà riêng: .....

9 Thư ký đề tài

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:..... Nam/Nữ: .....

Học hàm, học vị: .....

Chức danh khoa học:..... Chức vụ: .....

Điện thoại:.....

Tổ chức:..... Nhà riêng:..... Mobile: .....

Fax:..... E-mail: .....

Tên tổ chức đang công tác:.....

Địa chỉ tổ chức:.....

.....

Địa chỉ nhà riêng: .....

096732967

## 10 Tổ chức chủ trì đề tài

Tên tổ chức chủ trì đề tài: .....

Điện thoại:..... Fax: .....

E-mail:.....

Website: .....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

Số tài khoản: .....

Ngân hàng:.....

Tên cơ quan chủ quản đề tài:.....

.....

## 11 Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài (nếu có)

1. Tổ chức 1: .....

Tên cơ quan chủ quản.....

Điện thoại:..... Fax: .....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

Số tài khoản: .....

Ngân hàng:.....

2. Tổ chức 2 .....

Tên cơ quan chủ quản.....

Điện thoại:..... Fax: .....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

Số tài khoản: .....

Ngân hàng:.....

## 12 Các cán bộ thực hiện đề tài

(Ghi những người có đóng góp khoa học và chủ trì thực hiện những nội dung chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm đề tài)

	Họ và tên, học hàm học vị	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho đề tài (Số tháng quy đổi <sup>2</sup> )
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				

## II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KH&CN VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

13	Mục tiêu của đề tài (Bám sát và cụ thể hóa định hướng mục tiêu theo đặt hàng - nếu có)
	.....
	.....
	.....
14	Tình trạng đề tài <input type="checkbox"/> Mới <input type="checkbox"/> Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả <input type="checkbox"/> Kế tiếp nghiên cứu của người khác

<sup>2</sup> Một (01) tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc gồm 8 tiếng

15 Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của Đề tài

15.1. Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của Đề tài  
Ngoài nước (Phân tích đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài; nêu được những bước tiến về trình độ KH&CN của những kết quả nghiên cứu đó)

Trong nước (Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến đề tài mà các cán bộ tham gia đề tài đã thực hiện. Nếu có các đề tài cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến đề tài này; Nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên đề tài, Tên Chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài đó)

15.2. Luận giải về việc đặt ra mục tiêu và những nội dung cần nghiên cứu của Đề tài

(Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan, những kết quả mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, đánh giá những khác biệt về trình độ KH&CN trong nước và thế giới, những vấn đề đã được giải quyết, cần nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế cụ thể, từ đó nêu được hướng giải quyết mới - luận giải và cụ thể hóa mục tiêu đặt ra của đề tài và những nội dung cần thực hiện trong Đề tài để đạt được mục tiêu)

16	Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan
----	--

(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu đề tài)

.....

17	Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của Đề tài và phương án thực hiện
----	--

(Liệt kê và mô tả chi tiết những nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm phù hợp cần thực hiện để giải quyết vấn đề đặt ra kèm theo các nhu cầu về nhân lực, tài chính và nguyên vật liệu trong đó chỉ rõ những nội dung mới, những nội dung kế thừa kết quả nghiên cứu của các đề tài trước đó; những hoạt động để chuyển giao kết quả nghiên cứu đến người sử dụng, dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục - nếu có)

Nội dung 1:.....  
 .....  
 .....

Nội dung 2:.....  
 .....  
 .....

Nội dung 3:.....  
 .....  
 .....

## 18 Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng

(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo của đề tài)

Cách tiếp cận:

.....

Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

.....

Tính mới, tính độc đáo, tính sáng tạo:

.....

## 19 Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và nội dung công việc tham gia trong đề tài, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng - nếu có)

## 20 Phương án hợp tác quốc tế (nếu có)

(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác - đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của Đề tài)



21	Tiến độ thực hiện				
	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu	Kết quả phải đạt	Thời gian (bắt đầu, kết thúc)	Cá nhân, tổ chức thực hiện*	Dự kiến kinh phí
1	2	3	4	5	6
1	Nội dung 1				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				
2	Nội dung 2				
	- Công việc 1				
	- Công việc 2				

\* Chỉ ghi những cá nhân có tên tại Mục 12

### III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI

22	Sản phẩm KH&CN chính của Đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt (Liệt kê theo dạng sản phẩm)					
Dạng I: Mẫu (model, maket); Sản phẩm (là hàng hóa, có thể được tiêu thụ trên thị trường); Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi và các loại khác;						
Số TT	Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Dự kiến số lượng/ quy mô sản phẩm tạo ra
			Cần đạt	Mẫu tương tự (theo các tiêu chuẩn mới nhất)		
				Trong nước	Thế giới	
1	2	3	4	5	6	7

22.1. Mức chất lượng các sản phẩm (Dạng I) so với các sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài (Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các chỉ tiêu về chất lượng cần đạt của các sản phẩm của đề tài)

.....

.....

.....

.....

.....

Dạng II: Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, Bản đồ; Số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình,...); Đề án, quy hoạch; Luận chứng kinh tế - kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác

TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Ghi chú
1	2	3	4
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....

Dạng III: Bài báo; Sách chuyên khảo; và các sản phẩm khác

Số TT	Tên sản phẩm	Yêu cầu khoa học cần đạt	Dự kiến nơi công bố (Tạp chí, Nhà xuất bản)	Ghi chú
1	2	3	4	5
.....	.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....
.....	.....	.....	.....	.....

22.2. Trình độ khoa học của sản phẩm (Dạng II & III) so với các sản phẩm tương tự hiện có (Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các yêu cầu khoa học cần đạt của các sản phẩm của đề tài)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

22.3. Kết quả tham gia đào tạo trên đại học

Số TT	Cấp đào tạo	Số lượng	Chuyên ngành đào tạo	Ghi chú
	Thạc sỹ			09670296
	Tiến sỹ			

22.4. Sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng:

23 Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu

23.1. Khả năng về thị trường (Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường?)

.....

.....

.....

23.2. Khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh  
(Khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm)

.....

.....

.....

23.3. Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu

.....

.....

23.4. Mô tả phương thức chuyển giao  
(Chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn - với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu - theo tỷ lệ đã thỏa thuận để cùng triển khai sản xuất; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra,...)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

24 Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả của Đề tài

25 Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu

25.1. Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan  
(Nếu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực khoa học công nghệ ở trong nước và quốc tế)

.....

.....

25.2. Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu

.....

.....

25.3. Đối với kinh tế - xã hội và môi trường

(Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường)

.....

.....

## V. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ

(Giải trình chi tiết xin xem phụ lục kèm theo)

Đơn vị tính: Triệu đồng

26	Kinh phí thực hiện đề tài phân theo các khoản chi						
	Nguồn kinh phí	Tổng số	Trong đó				Chi khác
Trả công lao động (khoa học, phổ thông)			Nguyên, vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng, sửa chữa nhỏ		
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng kinh phí						
	Trong đó:						
1	Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất*: - Năm thứ hai*: - Năm thứ ba*:						
2	Nguồn tự có của cơ quan						
3	Nguồn khác (vốn huy động, ...)						

(\*): Chỉ dự toán khi đề tài đã được phê duyệt

## Đối với Đề tài thuộc Chương trình KH&amp;CN cấp Nhà nước

Ngày..... tháng..... năm 200....  
**CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**  
 (Họ, tên và chữ ký)

Ngày..... tháng ..... năm 200....  
**TỔ CHỨC CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI**  
 (Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm 200....  
**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ<sup>3</sup>**  
 (Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

Ngày..... tháng ..... năm 200....  
**ĐẠI DIỆN BAN CHỦ NHIỆM  
 CHƯƠNG TRÌNH<sup>4</sup>**  
 (Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

## Đối với Đề tài độc lập cấp Nhà nước

Ngày..... tháng ..... năm 200....  
**CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**  
 (Họ, tên và chữ ký)

Ngày..... tháng..... năm 200....  
**TỔ CHỨC CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI**  
 (Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm 200....  
**THỦ TRƯỞNG  
 CƠ QUAN CHỦ QUẢN ĐỀ TÀI<sup>5</sup>**  
 (Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm 200....  
**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ<sup>6</sup>**  
 (Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

<sup>3,4,5,6</sup> Chỉ ký tên, đóng dấu khi Đề tài được phê duyệt

## DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ TÀI

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn										
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Ngân sách SNKH									Tự có	Khác
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất*	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ hai*	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ ba*	Trong đó, khoản chi theo quy định*			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
1	Trà công lao động (khoa học, phổ thông)													
2	Nguyên, vật liệu, năng lượng													
3	Thiết bị, máy móc													
4	Xây dựng, sửa chữa nhỏ													
5	Chi khác													
	Tổng cộng:													

\* Chi dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo Thông tư số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN)

# GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

(Triệu đồng)

## Khoản 1. Công lao động (khoa học, phổ thông)

TT	Nội dung lao động Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 17 của thuyết minh	Tổng số		Nguồn vốn										
		Mục chi	Tổng	Ngân sách SNKH									Tự có	Khác
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất*	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ hai*	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ ba*	Trong đó, khoản chi theo quy định*			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
1	Nội dung 1													
	- Sản phẩm 1													
	- Sản phẩm 2													
	Tổng cộng:													

\* Chi dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo Thông tư số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN)



TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn									
						SNKH									
						Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất*	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ hai*	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ ba*	Trong đó, khoản chi theo quy định *		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Nguyên, vật liệu (Dự toán chi tiết theo thứ tự nội dung nghiên cứu nêu tại mục 17 của thuyết minh)														

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
2	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng														
3	Năng lượng, nhiên liệu														
	- Than														
	- Điện	kWh													
	- Xăng, dầu														
	- Nhiên liệu khác														
4	Nước	m <sup>3</sup>													
5	Mua sách, tài liệu, số liệu														
Cộng:															

\* Chi dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo Thông tư số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN)

Khoản 3. Thiết bị, máy móc

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Mục chi	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn					
							SNKH				Tự có	Khác
							Tổng	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1	2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Thiết bị hiện có tham gia thực hiện đề tài (chỉ ghi tên thiết bị và giá trị còn lại, không cộng vào tổng kinh phí của Khoản 3)											
II	Thiết bị mua mới											
1	Mua thiết bị, công nghệ											
2	Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường											

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
III	Khấu hao thiết bị (chỉ khai mục này khi cơ quan chủ trì là doanh nghiệp)										
IV	Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)										
V	Vận chuyên lắp đặt										
Cộng:											

\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt

Khoản 4. Xây dựng, sửa chữa nhỏ

TT	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn						
			SNKH				Tự có	Khác	
			Tổng	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	
1	Chi phí xây dựng ..... m <sup>2</sup> nhà xưởng, PTN								
2	Chi phí sửa chữa ..... m <sup>2</sup> nhà xưởng, PTN								
3	Chi phí lắp đặt hệ thống điện, nước								
4	Chi phí khác								
	Cộng:								

\* Chi dự toán khi đề tài được phê duyệt

TT	Nội dung	Tổng số		Nguồn vốn										
		Mục chi	Tổng	Ngân sách SNKH									Tự có	Khác
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất*	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ hai*	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ ba*	Trong đó, khoản chi theo quy định*			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
1	Công tác trong nước (địa điểm, thời gian, số lượt người)													
2	Hợp tác quốc tế													
a	Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần,...)													

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
b	Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...)												
3	Kinh phí quản lý (của cơ quan chủ trì)												
4	Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ, nghiệm thu các cấp												
	- Chi phí kiểm tra nội bộ												
	- Chi nghiệm thu trung gian												
	- Chi phí nghiệm thu nội bộ												
	- Chi phí nghiệm thu ở cấp quản lý đề tài												

1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
5	Chi khác												
	- Hội thảo												
	- Ấn loát tài liệu, văn phòng phẩm												
	- Dịch tài liệu												
	- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ												
	- Khác												
6	Phụ cấp chủ nhiệm đề tài												
7	Phụ cấp thư ký đề tài												
	Cộng:												

\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo Thông tư số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN)



## Biểu B1-2-TMDA

## THUYẾT MINH DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

(ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

## B1-2-TMDA

THUYẾT MINH DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM<sup>1</sup>

## I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1	Tên dự án	2	Mã số (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):								
3	Thời gian thực hiện..... tháng (Từ tháng...../200.... đến tháng...../200...)	4	Cấp quản lý Nhà nước <input type="checkbox"/> Bộ <input type="checkbox"/> Cơ sở <input type="checkbox"/> Tỉnh <input type="checkbox"/>								
5	<input type="checkbox"/> Thuộc Chương trình (ghi rõ tên chương trình, nếu có) <input type="checkbox"/> Thuộc dự án KH&CN <input type="checkbox"/> Dự án độc lập										
6	Tổng vốn thực hiện dự án:..... triệu đồng, trong đó: <table border="1" style="width:100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width:50%;">Nguồn</th> <th style="width:50%;">Kinh phí (triệu đồng)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>- Từ ngân sách sự nghiệp khoa học</td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Vốn tự có của tổ chức chủ trì</td> <td></td> </tr> <tr> <td>- Khác (liên doanh...)</td> <td></td> </tr> </tbody> </table>			Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)	- Từ ngân sách sự nghiệp khoa học		- Vốn tự có của tổ chức chủ trì		- Khác (liên doanh...)	
Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)										
- Từ ngân sách sự nghiệp khoa học											
- Vốn tự có của tổ chức chủ trì											
- Khác (liên doanh...)											
7	Kinh phí thu hồi..... triệu đồng (bằng..... % kinh phí hỗ trợ từ ngân sách SNKH)										
Đợt 1:..... triệu đồng sau khi kết thúc..... tháng,											
Đợt 2:..... triệu đồng sau khi kết thúc..... tháng											

<sup>1</sup> Thuyết minh được trình bày và in ra trên khổ giấy A4. Dưới đây Dự án sản xuất thử nghiệm được gọi tắt là Dự án

8	Chủ nhiệm dự án
Họ và tên: ..... Năm sinh:..... Nam/Nữ:..... Học hàm:..... Học vị:..... Chức danh khoa học:..... Chức vụ:..... Điện thoại: Tổ chức:..... Nhà riêng:..... Mobile:..... Fax:..... E-mail: ..... Tên tổ chức đang công tác: ..... Địa chỉ tổ chức: ..... Địa chỉ nhà riêng: .....	
8b	Thư ký Dự án
Họ và tên: ..... Năm sinh:..... Nam/Nữ:..... Học hàm:..... Học vị:..... Chức danh khoa học: ..... Chức vụ:..... Điện thoại: Tổ chức:..... Nhà riêng:..... Mobile:..... Fax:..... E-mail: ..... Tên tổ chức đang công tác:..... Địa chỉ tổ chức: ..... Địa chỉ nhà riêng: .....	
9	Tổ chức chủ trì thực hiện Dự án
Tên tổ chức chủ trì Dự án: ..... Điện thoại:..... Fax:..... E-mail: ..... Website:..... Địa chỉ: ..... Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ..... Số tài khoản:..... Kho bạc Nhà nước/Ngân hàng: ..... Tên cơ quan chủ quản Dự án: .....	

09670296

## 10 Tổ chức tham gia chính

## 10.1. Tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

E-mail: .....

Website: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

Người chịu trách nhiệm chính về công nghệ của Dự án: .....

## 10.2. Tổ chức khác

Tên tổ chức: .....

Điện thoại: ..... Fax: .....

E-mail: .....

Website: .....

Địa chỉ: .....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức: .....

## 11 Cán bộ thực hiện Dự án

(Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm Dự án - mỗi người có tên trong danh sách này cần khai báo lý lịch khoa học theo Biểu B1-4-LLCN)

	Họ và tên	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho dự án (Số tháng quy đổi <sup>2</sup> )
1				
2				

<sup>2</sup> Một (01) tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc x 8 tiếng

3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				
10				
12	<p><b>Xuất xứ</b></p> <p>[Ghi rõ xuất xứ của Dự án từ một trong các nguồn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&amp;D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá nghiệm thu, kiến nghị (tên đề tài, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ cấp Nhà nước (nếu có), mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền)</li> <li>- Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ (tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp)</li> <li>- Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (hợp đồng chuyển giao công nghệ; tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan)]</li> </ul> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p> <p>.....</p>			

13

Luận cứ về tính cấp thiết, khả thi và hiệu quả của Dự án

13.1. Làm rõ về công nghệ lựa chọn của Dự án (Tính mới, ưu việt, tiên tiến của công nghệ; trình độ công nghệ so với công nghệ hiện có ở Việt Nam, khả năng triển khai công nghệ trong nước, tính phù hợp của công nghệ đối với phương án sản xuất và yêu cầu của thị trường,...).

.....  
.....  
.....  
.....  
.....

13.2. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm Dự án (Hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả của Dự án; khả năng mở rộng thị trường ở trong nước và xuất khẩu: nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm Dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp, tính ưu việt của công nghệ...).

.....  
.....  
.....  
.....

13.3. Tác động của kết quả Dự án đến kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng (Tác động của sản phẩm Dự án đến phát triển KT-XH, môi trường, khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đảm bảo an ninh, quốc phòng...).

.....  
.....  
.....  
.....

13.4. Năng lực thực hiện Dự án (Mức độ cam kết và năng lực thực hiện của các tổ chức tham gia chính trong Dự án: năng lực khoa học, công nghệ của người thực hiện và cơ sở vật chất - kỹ thuật, các cam kết bằng hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ rủi ro).

09670296

.....

.....

.....

.....

13.5. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của Dự án (Nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất; nhân rộng, chuyển giao công nghệ; thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất - kinh doanh,...).

.....

.....

.....

## I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

### 14 | Mục tiêu

14.1. Mục tiêu của Dự án sản xuất<sup>3</sup> hoặc chuyển giao công nghệ đặt ra (Chất lượng sản phẩm; quy mô sản xuất).

.....

.....

.....

14.2. Mục tiêu của Dự án sản xuất thử nghiệm (Trình độ công nghệ, quy mô sản phẩm).

.....

.....

.....

### 15 | Nội dung

15.1. Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của Dự án) để triển khai trong Dự án.

.....

.....

.....

.....

<sup>3</sup> Dự án sản xuất là phương án triển khai sau khi Dự án sản xuất thử nghiệm kết thúc.

15.2. Phân tích những vấn đề mà Dự án cần giải quyết về công nghệ (Hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra công nghệ mới; nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định công nghệ và quy mô của Dự án sản xuất thử nghiệm).

.....

.....

.....

.....

15.3. Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện Dự án sản xuất thử nghiệm.

.....

.....

.....

.....

## 16 Phương án triển khai

16.1. Phương án tổ chức sản xuất thử nghiệm:

a) Phương thức tổ chức thực hiện:

(- Đối với đơn vị chủ trì là doanh nghiệp: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong Dự án; phương án liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH&CN trong việc phát triển, hoàn thiện công nghệ;

- Đối với đơn vị chủ trì là tổ chức khoa học và công nghệ: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong Dự án; việc liên doanh với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất thử nghiệm (kế hoạch/ phương án của doanh nghiệp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, đóng góp về vốn, về nhân lực, về khả năng tiêu thụ sản phẩm của Dự án phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức phân chia lợi nhuận;...)

.....

.....

b) Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai Dự án:

- Địa điểm thực hiện Dự án (nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, điện nước.... của địa bàn triển khai Dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m<sup>2</sup>), dự kiến cải tạo, mở rộng,.....;

- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai Dự án sản xuất thử nghiệm (làm rõ những trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho Dự án;.....);

- Nguyên vật liệu (khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài;.....);

- Nhân lực cần cho triển khai Dự án: số cán bộ KHCN và công nhân lành nghề tham gia thực hiện Dự án; kế hoạch tổ chức nhân lực tham gia Dự án; nhu cầu đào tạo phục vụ Dự án (số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân);

- Môi trường (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai Dự án và giải pháp khắc phục).

367-96



16.2. Phương án tài chính (Phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện Dự án) trên cơ sở:

- Tổng vốn đầu tư để triển khai Dự án, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động cho một khối lượng sản phẩm cần thiết trong một chu kỳ sản xuất thử nghiệm để có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo (trong trường hợp cần thiết);

- Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia Dự án (kèm theo các văn bản pháp lý minh chứng cho việc huy động các nguồn vốn: báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong 2 - 3 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của ngân hàng; cam kết pháp lý về việc đóng góp vốn của các tổ chức tham gia Dự án,...);

- Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (các nội dung chi bằng nguồn vốn này);

- Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của Dự án (theo từng loại sản phẩm của Dự án nếu có); thời gian thu hồi vốn;

Các số liệu cụ thể của phương án tài chính được trình bày tại các bảng 1-5 và các phụ lục 1-7).

16.3. Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của Dự án (Giải trình và làm rõ thêm các bảng tính toán và phụ lục kèm theo bảng 3-5, phụ lục 9):

- Dự báo nhu cầu thị trường (dự báo nhu cầu chung và thống kê danh mục các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua sản phẩm Dự án);

- Phương án tiếp thị sản phẩm của Dự án (tuyên truyền, quảng cáo, xây dựng trang web, tham gia hội chợ triển lãm, trình diễn công nghệ, tờ rơi,...);

- Phân tích giá thành, giá bán dự kiến của sản phẩm trong thời gian sản xuất thử nghiệm; giá bán khi ổn định sản xuất (so sánh với giá sản phẩm nhập khẩu, giá thị trường trong nước hiện tại; dự báo xu thế giá sản phẩm cho những năm tới); các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm Dự án;

- Phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp.



## 18 Phương án phát triển của Dự án sau khi kết thúc

18.1. Phương thức triển khai [Mô tả rõ phương án triển khai lựa chọn trong các loại hình sau đây: (i) Đưa vào sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp; (ii) Nhân rộng, chuyển giao kết quả của Dự án; (iii) Liên doanh, liên kết; (iv) Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất - kinh doanh; (v) Hình thức khác: Nêu rõ].

.....

.....

.....

.....

.....

18.2. Quy mô sản xuất (Công nghệ, nhân lực, sản phẩm,...).

.....

.....

.....

.....

.....

18.3. Tổng số vốn của Dự án sản xuất.

.....

.....

.....

.....

.....

### III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

Tổng kinh phí cần thiết để triển khai Dự án sản xuất thử nghiệm = Vốn cố định của Dự án sản xuất + Giá trị còn lại của thiết bị và nhà xưởng đã có + Kinh phí hỗ trợ công nghệ + vốn lưu động.

\* Vốn cố định của Dự án sản xuất gồm: (i) Thiết bị, máy móc đã có (giá trị còn lại); (ii) Thiết bị, máy móc mua mới; (iii) Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại); (iv) Nhà xưởng xây mới hoặc cải tạo.

\* **Vốn lưu động:** chi tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo.

\* **Kinh phí hỗ trợ công nghệ:** chi phí hoàn thiện, ổn định các thông số kinh tế - kỹ thuật.

Bảng 1. Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai Dự án

Đơn vị: triệu đồng

	Nguồn vốn	Tổng cộng	Trong đó								
			Vốn cố định		Kinh phí hỗ trợ công nghệ	Vốn lưu động					
			Thiết bị, máy móc mua mới	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo		Chi phí lao động	Nguyên vật liệu, năng lượng	Thuê thiết bị, nhà xưởng	Khác		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10		
1	Ngân sách SNKH: - Năm thứ nhất*: - Năm thứ hai*: - Năm thứ ba*:										
2	Các nguồn vốn khác - Vốn tự có của cơ sở - Khác (vốn huy động,...)										
Cộng:											

\* Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt

Bảng 2. Tổng chi phí và giá thành sản phẩm  
(Trong thời gian thực hiện Dự án)

1	Nội dung	Tổng số chi phí (1000 đ)	Trong đó theo sản phẩm			Ghi chú
			4	5	6	
2		3				7
A	Chi phí trực tiếp					
1	Nguyên vật liệu, bao bì					Phụ lục 1
2	Điện, nước, xăng dầu					Phụ lục 2
3	Chi phí lao động					Phụ lục 6
4	Sửa chữa, bảo trì thiết bị					Phụ lục 7
5	Chi phí quản lý					Phụ lục 7
B	Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định					
6	Khấu hao thiết bị cho dự án - Khấu hao thiết bị cũ - Khấu hao thiết bị mới					Phụ lục 3
7	Khấu hao nhà xưởng cho dự án - Khấu hao nhà xưởng cũ - Khấu hao nhà xưởng mới					Phụ lục 5
8	Thuê thiết bị					Phụ lục 3
9	Thuê nhà xưởng					Phụ lục 5
10	Phân bổ chi phí hỗ trợ công nghệ					Phụ lục 4
11	Tiếp thị, quảng cáo					Phụ lục 7

1	Nội dung	Tổng số chi phí (1000 đ)	Trong đó theo sản phẩm			Ghi chú
			4	5	6	
12	Khác (trả lãi vay, các loại phí,...)					Phụ lục 7
	- Tổng chi phí sản xuất thử nghiệm (A + B):					
	- Giá thành 1 đơn vị sản phẩm:					

## Ghi chú:

- Khấu hao thiết bị và tài sản cố định: tính theo quy định của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế tương ứng.

- Chi phí hỗ trợ công nghệ: được phân bổ cho thời gian thực hiện Dự án sản xuất thử nghiệm và 01 năm đầu sản xuất ổn định (tối đa không quá 3 năm).

Bảng 3. Tổng doanh thu  
(cho thời gian thực hiện Dự án)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Giá bán dự kiến (1000 đ)	Thành tiền (1000 đ)
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
Cộng:					

Bảng 4. Tổng doanh thu  
(cho 1 năm đạt 100% công suất)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (1000 đ)	Thành tiền (1000 đ)
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					
4					
5					
6					
7					
8					
Cộng:					

Bảng 5. Tính toán hiệu quả kinh tế Dự án  
(cho 1 năm đạt 100% công suất)

TT	Nội dung	Thành tiền (1000 đ)
1	2	3
1	Tổng vốn đầu tư cho Dự án	
2	Tổng chi phí, trong một năm	
3	Tổng doanh thu, trong một năm	
4	Lãi gộp (3) - (2)	
5	Lãi ròng: (4) - (thuế + lãi vay + các loại phí)	
6	Khấu hao thiết bị, XDCB và chi phí hỗ trợ công nghệ trong 1 năm	
7	Thời gian thu hồi vốn T (năm, ước tính)	
8	Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư, % (ước tính)	
9	Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu, % (ước tính)	

Chú thích:

- Tổng vốn đầu tư bao gồm: tổng giá trị còn lại của thiết bị, máy móc và nhà xưởng đã có + tổng giá trị của thiết bị, máy móc mua mới và nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo) + chi phí hỗ trợ công nghệ;

- Thuế: gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác nếu có, trong 1 năm;

- Lãi vay: là các khoản lãi vay phải trả trong 1 năm.



$$\text{Thời gian thu hồi vốn } T = \frac{\text{Tổng vốn Đầu tư}}{\text{Lãi ròng} + \text{Khấu hao}} = \text{---} = \text{..... năm}$$

$$\text{Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư} = \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng vốn Đầu tư}} \times 100 = \text{---} \times 100 = \text{.... \%};$$

$$\begin{aligned} \text{Tỷ lệ lãi ròng so với tổng} \\ \text{doanh thu} \end{aligned} = \frac{\text{Lãi ròng}}{\text{Tổng doanh thu}} \times 100 = \text{---} \times 100 = \text{.... \%};$$

18	Hiệu quả kinh tế - xã hội
----	---------------------------

(Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường....)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

09673896

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

## IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Đối với Dự án SXTN thuộc Chương trình KH&CN

Ngày..... tháng..... năm 200....  
CHỦ NHIỆM DỰ ÁN  
(Họ, tên và chữ ký)

Ngày..... tháng..... năm 200....  
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ DỰ ÁN  
(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm 200....  
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ<sup>4</sup>  
(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm 200....  
ĐẠI DIỆN BAN CHỦ NHIỆM  
CHƯƠNG TRÌNH<sup>5</sup>  
(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

<sup>4,5</sup> Chỉ ký tên, đóng dấu khi Dự án được phê duyệt

Đối với Dự án SXTN độc lập

Ngày..... tháng..... năm 200....

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

(Họ, tên và chữ ký)

Ngày..... tháng..... năm 200....

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ DỰ ÁN

(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm 200....

THỦ TRƯỞNG

CƠ QUAN CHỦ QUẢN DỰ ÁN<sup>6</sup>

(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm 200....

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ<sup>7</sup>

(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)

<sup>6,7</sup> Chỉ ký tên, đóng dấu khi Dự án được phê duyệt

Phụ lục  
 DỰ TOÁN KINH PHÍ DỰ ÁN  
 (theo nội dung chi)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn										
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Ngân sách SNKH									Tự có	Khác
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất*	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ hai*	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ ba*	Trong đó, khoản chi theo quy định*			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
1	Thiết bị, máy móc mua mới													
2	Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo													
3	Kinh phí hỗ trợ công nghệ													
4	Chi phí lao động													
5	Nguyên vật liệu năng lượng													

TT	Nội dung các khoản chi	Tổng số		Nguồn vốn										
		Kinh phí	Tỷ lệ (%)	Ngân sách SNKH									Tự có	Khác
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ nhất*	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ hai*	Trong đó, khoản chi theo quy định*	Năm thứ ba*	Trong đó, khoản chi theo quy định*			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
6	Thuê thiết bị, nhà xưởng													
7	Chi khác													
	Tổng cộng:													

\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt

Phụ lục 1

NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU

(để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn									
							Ngân sách SNKH								Tự có	Khác
							Tổng số	Trong đó, khoản chi theo Thông tư 93*	Năm thứ nhất*	Trong đó, khoản chi theo Thông tư 93*	Năm thứ hai*	Trong đó, khoản chi theo Thông tư 93*	Năm thứ ba*	Trong đó, khoản chi theo Thông tư 93*		
8	9	10	11	12	13	14	15	16	17							
1		Nguyên, vật liệu chủ yếu														
2		Nguyên, vật liệu phụ														

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn										
							Ngân sách SNKH								Tự có	Khác	
							Tổng số	Trong đó, khoán chi theo Thông tư 93*	Năm thứ nhất*	Trong đó, khoán chi theo Thông tư 93*	Năm thứ hai*	Trong đó, khoán chi theo Thông tư 93*	Năm thứ ba*	Trong đó, khoán chi theo Thông tư 93*			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
3		Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng															
Cộng:																	

\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo Thông tư số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN)

## Phụ lục 2

## NHU CẦU ĐIỆN, NƯỚC, XĂNG DẦU

(để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn											
							Ngân sách SNKH										Tự có	Khác
							Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ nhất *	Trong đó, khoản chi theo hai*	Năm thứ hai*	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ ba*	Trong đó, khoản chi theo quy định *				
8	9	10	11	12	13	14	15	16	17									
1		Về điện:	kW/h															
		- Điện sản xuất: Tổng công suất thiết bị, máy móc..... kW																



1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
2		Về nước:	m <sup>3</sup>													
3		Về xăng dầu:	Tấn													
		- Cho thiết bị sản xuất ..... tấn														
		- Cho phương tiện vận tải..... tấn														
			Cộng:													

\* Chỉ dự toán khi đề tài được phê duyệt (theo Thông tư số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN)

## Phụ lục 3a

## YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

## A. Thiết bị hiện có (tính giá trị còn lại)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
I	Thiết bị công nghệ				
1					
2					
3					
4					
II	Thiết bị thử nghiệm, đo lường				
1					
2					
3					
4					
Cộng:					

09670296

## Phụ lục 3b

## YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

## B. Thiết bị mới bổ sung, thuê thiết bị

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn						
							Ngân sách SNKH				Tự có	Khác	
							Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1		Mua thiết bị công nghệ											
2		Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường											09670296
3		Mua bằng sáng chế, bản quyền											
4		Mua phần mềm máy tính											
5		Vận chuyển lắp đặt											

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn						
							Ngân sách SNKH				Tự có	Khác	
							Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
6		Thuê thiết bị (nêu các thiết bị cần thuê, giá thuê và chi ghi vào cột 7 để tính vốn lưu động)											
Cộng:													

09670296

Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

LawSoft \*

Chú ý: Ngân sách nhà nước chỉ hỗ trợ mua nguyên chiếc thiết bị, máy móc

\* Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt.

## Phụ lục 4

## CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Chi phí	Nguồn vốn						
				Ngân sách SNKH				Tự có	Khác	
				Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
A		Chi phí hỗ trợ cho các hạng mục công nghệ (kể cả công nghệ nhập)								
1		- Hoàn thiện, nắm vững và làm chủ quy trình công nghệ								
2		- Hoàn thiện các thông số về kỹ thuật								
3		- Ổn định các thông số và chất lượng nguyên vật liệu đầu vào								
4		- Ổn định chất lượng sản phẩm; về khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm								
5		.....								
B		Chi phí đào tạo công nghệ								
1		- Cán bộ công nghệ								
2		- Công nhân vận hành								
3		.....								
		Cộng								

\* Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt

09670296

Phụ lục 5  
ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

## A. Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					
Cộng A:					

## B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn					
				Ngân sách SNKH				Tự có	Khác
				Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1		Xây dựng nhà xưởng mới							
2		Chi phí sửa chữa cải tạo							
3		Chi phí lắp đặt hệ thống điện							
4		Chi phí lắp đặt hệ thống nước							
5		Chi phí khác							
Cộng B:									

\* Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt

## Phụ lục 6

## CHI PHÍ LAO ĐỘNG

(để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ  
và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Số người	Số tháng	Chi phí tr.đ/ người/ tháng	Thành tiền	Nguồn vốn						
							Ngân sách SNKH				Tự có	Khác	
							Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1		Chủ nhiệm Dự án											
2		Kỹ sư											
3		Nhân viên kỹ thuật											
4		Công nhân											
		Cộng											

09670296

Phụ lục 7  
CHI KHÁC CHO DỰ ÁN

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Thành tiền	Nguồn vốn										
				Ngân sách SNKH									Tự có	Khác
				Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ nhất*	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ hai*	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ ba*	Trong đó, khoản chi theo quy định *			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
1		Công tác phí - Trong nước - Ngoài nước												
2		Quản lý phí - Quản lý hành chính thực hiện Dự án - Tiếp thị, quảng cáo, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm												





1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
		- Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ, - Báo cáo tổng kết, - In ấn, - Phụ cấp chủ nhiệm dự án,...											
		Cộng											

\* Chi dự toán khi dự án được phê duyệt (theo Thông tư số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN)

Phụ lục 8  
KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN

TT	Nội dung công việc	Tháng																									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	...	
1	2	3																									
1	Sửa chữa, xây dựng nhà xưởng																										
2	Hoàn thiện công nghệ																										
3	Chế tạo, mua thiết bị																										
4	Lắp đặt thiết bị																										
5	Đào tạo công nhân																										
6	Sản xuất thử nghiệm (các đợt)																										
7	Thử nghiệm mẫu																										
8	Hiệu chỉnh công nghệ																										
9	Đánh giá nghiệm thu																										

## VỀ KHẢ NĂNG CHẤP NHẬN CỦA THỊ TRƯỜNG

## I. NHU CẦU THỊ TRƯỜNG

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng có thể tiêu thụ trong năm:			Chú thích
			200..	200..	200..	
1	2	3	4	5	6	7
1						
2						

## II. PHƯƠNG ÁN SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng sản xuất trong năm:			Tổng số	Cơ sở tiêu thụ
			200..	200..	200..		
1	2	3	4	5	6	7	8
1							
2							

### III. DANH MỤC CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Ghi chú
			Cần đạt	Tương tự mẫu		
				Trong nước	Thế giới	
1	2	3	4	5	6	7
1						
2						

## Biểu B1-3-LLTC

TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỦA  
TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN  
(ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11 tháng 5  
năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

## B1-3-LLTC

TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ<sup>1</sup>  
CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN

1. Tên tổ chức	
Năm thành lập	
Địa chỉ	
Điện thoại:	Fax:
E-mail:	
2. Chức năng, nhiệm vụ và loại hình hoạt động KH&CN hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến Đề tài, Dự án SXTN tuyển chọn	

09670296

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

<sup>1</sup> Mẫu tóm tắt hoạt động KH&CN của Tổ chức được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

## 3. Tổng số cán bộ có trình độ đại học trở lên của tổ chức

TT	Cán bộ có trình độ đại học trở lên	Tổng số
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	

## 4. Số cán bộ nghiên cứu của tổ chức trực tiếp tham gia Đề tài, Dự án SXTN tuyển chọn

TT	Cán bộ có trình độ đại học trở lên	Số trực tiếp tham gia thực hiện Đề tài, Dự án SXTN
1	Tiến sỹ	
2	Thạc sỹ	
3	Đại học	

5. Kinh nghiệm và thành tựu KH&CN trong 5 năm gần nhất liên quan đến Đề tài, Dự án SXTN tuyển chọn của các cán bộ trong tổ chức trực tiếp tham gia đề tài, dự án SXTN đã kê khai ở mục 4 trên đây (Nêu lĩnh vực chuyên môn có kinh nghiệm, số năm kinh nghiệm, tên các đề tài/dự án đã chủ trì hoặc tham gia, những công trình đã áp dụng vào sản xuất và đời sống, thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác,...)

6. Cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có liên quan đến Đề tài, Dự án SXTN tuyển chọn:

- Nhà xưởng:

- Trang thiết bị chủ yếu\*:

7. Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài NS SNKH) cho việc thực hiện Đề tài, Dự án SXTN đăng ký tuyển chọn

- Vốn tự có: ..... triệu đồng (văn bản chứng minh kèm theo).
- Nguồn vốn khác: ..... triệu đồng (văn bản chứng minh kèm theo).

....., ngày..... tháng..... năm 200...

THỦ TRƯỞNG

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN  
(Họ, tên và chữ ký của người lãnh đạo tổ chức, đóng dấu)



## Biểu B1-4-LLCN

LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA CÁ NHÂN THỰC HIỆN  
CHÍNH ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN

(ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

## B1-4-LLCN

LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA CÁ NHÂN THỰC HIỆN  
CHÍNH ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN<sup>1</sup>

Đăng ký Chủ nhiệm đề tài, dự án SXTN:

Đăng ký tham gia thực hiện Đề tài, dự án SXTN<sup>2</sup>:

1. Họ và tên:	
2. Năm sinh:	3. Nam/Nữ:
4. Học hàm:	Năm được phong học hàm:
Học vị:	Năm đạt học vị:
5. Chức danh nghiên cứu:	
Chức vụ:	
6. Địa chỉ nhà riêng:	
7. Điện thoại: CQ:	; NR: ; Mobile:
8. Fax:	E-mail:
9. Tổ chức - nơi làm việc của cá nhân đăng ký chủ nhiệm Đề tài, Dự án:	
Tên tổ chức:	

<sup>1</sup> Mẫu Lý lịch này dùng cho các cá nhân đăng ký chủ trì hoặc tham gia thực hiện chính đề tài KHCN hoặc dự án SXTN (gọi tắt là dự án). Lý lịch được trình bày và in ra trên khổ giấy A4

<sup>2</sup> Nếu đăng ký tham gia, ghi số thứ tự theo mục 12 bản Thuyết minh đề tài KHCN hoặc mục 11 bản Thuyết minh dự án SXTN tương ứng.

Tên người Lãnh đạo: Điện thoại người Lãnh đạo: Địa chỉ tổ chức:				
10. Quá trình đào tạo				
Bậc đào tạo	Nơi đào tạo	Chuyên môn	Năm tốt nghiệp	
Đại học				
Thạc sỹ				
Tiến sỹ				
Thực tập sinh khoa học				
11. Quá trình công tác				
Thời gian (Từ năm... đến năm...)	Vị trí công tác	Tổ chức công tác	Địa chỉ Tổ chức	
12. Các công trình công bố chủ yếu (liệt kê tối đa 05 công trình tiêu biểu đã công bố liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn trong 5 năm gần nhất)				
TT	Tên công trình (bài báo, công trình...)	Là tác giả hoặc là đồng tác giả công trình	Nơi công bố (tên tạp chí đã đăng công trình)	Năm công bố
1				
2				
13. Số lượng văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp (liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)				

TT	Tên và nội dung văn bằng	Năm cấp văn bằng
1		
2		

14. Số công trình được áp dụng trong thực tiễn  
(liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)

TT	Tên công trình	Hình thức, quy mô, địa chỉ áp dụng	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)
1			
2			

15. Các đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì hoặc tham gia  
(trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)

Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã chủ trì	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)
Tên đề tài, dự án, nhiệm vụ khác đã tham gia	Thời gian (bắt đầu - kết thúc)	Thuộc Chương trình (nếu có)	Tình trạng đề tài (đã nghiệm thu, chưa nghiệm thu)

16. Giải thưởng  
(về KH&CN, về chất lượng sản phẩm,... liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)

TT	Hình thức và nội dung giải thưởng	Năm tặng thưởng

17. Thành tựu hoạt động KH&CN và sản xuất kinh doanh khác  
(liên quan đến đề tài, dự án tuyển chọn - nếu có)

....., ngày..... tháng..... năm 200...

TỔ CHỨC - NƠI LÀM VIỆC CỦA  
CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM  
(HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN  
CHÍNH) ĐỀ TÀI, DỰ ÁN<sup>3</sup>

(Xác nhận và đóng dấu)

CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM  
(HOẶC THAM GIA THỰC HIỆN  
CHÍNH) ĐỀ TÀI, DỰ ÁN  
(Họ, tên và chữ ký)

Đơn vị đồng ý và sẽ dành thời gian  
cần thiết để Ông, Bà... chủ trì  
(tham gia) thực hiện  
Đề tài, Dự án

09670296

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

<sup>3</sup> Nhà khoa học không thuộc tổ chức KH&CN nào thì không cần làm thủ tục xác nhận này.

Biểu B1-5-PHNC

GIẤY XÁC NHẬN PHỐI HỢP THỰC HIỆN

ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC

(ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11 tháng 5  
năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

B1-5-PHNC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúcGIẤY XÁC NHẬN PHỐI HỢP THỰC HIỆN<sup>1</sup>

ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Tên Đề tài, Dự án SXTN đăng ký tuyển chọn, xét chọn:

.....  
 .....  
 .....

Thuộc Chương trình KH&amp;CN (nếu có):

.....

Mã số của Chương trình: .....

Thuộc lĩnh vực KH&amp;CN:

.....

2. Tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN

- Tên tổ chức đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN

.....

.....

<sup>1</sup> Giấy xác nhận được trình bày và in ra trên khổ giấy A4.

- Họ và tên, học vị, chức vụ của cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm Đề tài, Dự án SXTN

3. Tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện Đề tài, Dự án SXTN

- Tên tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện Đề tài, Dự án SXTN

Địa chỉ.....

Điện thoại .....

Nội dung công việc tham gia trong đề tài (và kinh phí tương ứng) của tổ chức phối hợp nghiên cứu đã được thể hiện trong bản Thuyết minh Đề tài, Dự án SXTN của Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn gửi Bộ Khoa học và Công nghệ.

Khi Hồ sơ trúng tuyển, chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của Đề tài, Dự án SXTN.

....., ngày.... tháng..... năm 200.....

CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ  
NHIỆM ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN  
(Họ, tên và chữ ký)

THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ  
CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN  
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP  
THỰC HIỆN ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN  
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

## Phụ lục I

## BIÊN BẢN MỞ HỒ SƠ

(ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11/5/2007  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

B2-1-BBHSTC

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG  
NGHỆ (đối với ĐT, DA độc lập)  
BAN CHỦ NHIỆM CHƯƠNG  
TRÌNH KC. (đối với ĐT, DA  
thuộc Chương trình)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 200...

BIÊN BẢN MỞ HỒ SƠ  
ĐĂNG KÝ TUYÊN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC VÀ CÁ NHÂN  
CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC

1. Tên Đề tài, Dự án SXTN

.....  
.....  
.....

2. Địa điểm và thời gian mở Hồ sơ

....., ngày...../...../200...

3. Đại diện các cơ quan và tổ chức liên quan tham gia mở Hồ sơ

TT	Tên cơ quan, tổ chức	Họ và tên đại biểu
1	Đại diện Bộ KH&CN	
2	Đại diện Ban chủ nhiệm CT: KC	
3	Đại diện Hội đồng KH&CN tư vấn tuyển chọn	

TT	Tên cơ quan, tổ chức	Họ và tên đại biểu
4	Đại diện tổ chức và cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn (nếu có)	
5	Đại diện các cơ quan liên quan khác	

4. Tình trạng của các Hồ sơ

- Tổng số Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn chủ trì Đề tài, Dự án SXTN: .....

Hồ sơ.

- Về hiện trạng niêm phong của các Hồ sơ

Số Hồ sơ được niêm phong kín đến thời điểm mở Hồ sơ:.../... (tổng số Hồ sơ đăng ký).

- Tình trạng của các Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn được thể hiện trong bảng sau:

TT	Tên tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn	Tình trạng Hồ sơ								
		Nộp đúng hạn <sup>1</sup>	Tính đầy đủ của Hồ sơ đăng ký, số lượng <sup>2</sup>	Tur cách pháp nhân	Có nhiệm vụ cấp Nhà nước <sup>4</sup>					
					Đang chủ trì nhiệm vụ cấp NN (kể cả có Biên bản NT ở mức “Không đạt”) <sup>3</sup>	Nợ thu hồi DA SXTN, DA CGCN <sup>3</sup>	Được đánh giá ở mức “Không đạt” hoặc bị đình chỉ <sup>5</sup>	Nộp Hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp Cơ sở chậm 6-24 tháng <sup>6</sup>	Nộp Hồ sơ đánh giá nghiệm thu cấp Cơ sở chậm 24 tháng trở lên <sup>7</sup>	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
1	Tên Tổ chức:									

09676296



1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	Họ và tên cá nhân đăng ký chủ nhiệm Đề tài, Dự án SXTN:								
2									

5. Kết luận về những Hồ sơ hợp lệ đề nghị Bộ KH&CN đưa vào đánh giá tuyển chọn:

Như vậy, trong số..... Hồ sơ đăng ký, có..... Hồ sơ hợp lệ, đủ điều kiện đề nghị Bộ KH&CN đưa vào xem xét đánh giá.

Ghi chú:

- <sup>1</sup> Những Hồ sơ nộp quá hạn sẽ được thống kê vào biểu này nhưng không mở;
- <sup>2</sup> Hồ sơ gồm đầy đủ các loại tài liệu với số lượng đã được quy định tại Điều 8 của Quy định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11/5/2007;
- <sup>3</sup> Tính đến thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ;
- <sup>4</sup> Nhiệm vụ cấp Nhà nước gồm: Đề tài, Dự án SXTN, nhiệm vụ Nghị định thư, Dự án CGCN;
- <sup>5</sup> Nếu vi phạm, không được tham gia tuyển chọn trong 02 năm, tính từ thời điểm có Kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu hoặc có Quyết định đình chỉ của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- <sup>6</sup> Nếu vi phạm, không được tham gia tuyển chọn trong 01 năm, tính từ thời điểm nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu thực tế;
- <sup>7</sup> Nếu vi phạm, không được tham gia tuyển chọn trong 02 năm, tính từ thời điểm nộp hồ sơ đánh giá nghiệm thu thực tế.

Danh mục Hồ sơ hợp lệ được đánh giá tuyển chọn, xét chọn để chủ trì thực hiện  
Đề tài, Dự án SXTN có tên nêu trên đây gồm có:

TT	Tên tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN	Ghi chú
1	2	3
1		
2		

Đối với các đề tài, dự án thuộc Chương trình:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VÀ  
CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ  
TUYỂN CHỌN - nếu có  
(Họ, tên và chữ ký)

ĐẠI DIỆN HỘI ĐỒNG  
KH&CN TƯ VẤN  
TUYỂN CHỌN  
(Họ, tên và chữ ký)

ĐẠI DIỆN BAN CHỦ  
NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH  
(Họ, tên và chữ ký)

Đối với các đề tài, dự án Độc lập:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VÀ  
CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ  
TUYỂN CHỌN - nếu có  
(Họ, tên và chữ ký)

ĐẠI DIỆN HỘI ĐỒNG  
KH&CN TƯ VẤN  
TUYỂN CHỌN  
(Họ, tên và chữ ký)

ĐẠI DIỆN BỘ KH&CN  
(Họ, tên và chữ ký)

## Phụ lục II

## Ý KIẾN NHẬN XÉT

(ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11/5/2007  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

B2-2-PNXĐT

## Ý KIẾN NHẬN XÉT

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYÊN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

Chuyên gia/ủy viên phản biện:	
Ủy viên Hội đồng:	

1. Họ và tên chuyên gia đánh giá:.....

2. Tên Đề tài:.....

3. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì Đề tài:.....

Tên tổ chức:.....

Họ và tên cá nhân:.....

4. Các chỉ tiêu đánh giá - nhận xét

Phần 1: Đánh giá thuyết minh Đề tài

Tiêu chí đánh giá	Điểm dự kiến của chuyên gia
I. Đánh giá chung về mục tiêu của Đề tài (Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 13 & 15.2 của thuyết minh Đề tài)	

09670296

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuvienPhapLuat.com

Tiêu chí đánh giá	Điểm dự kiến của chuyên gia
<p>1. Mức độ phù hợp, rõ ràng và cụ thể của mục tiêu của Đề tài so với yêu cầu đối với Đề tài (định hướng mục tiêu theo đặt hàng - nếu có)</p> <p>Nhận xét</p>	
<p>2. Mức độ đầy đủ, rõ ràng và hợp lý trong việc đánh giá, phân tích tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước để đặt ra mục tiêu Đề tài</p> <p>Nhận xét</p>	
<p>II. Tổng quan về tình hình nghiên cứu và luận giải về những nội dung nghiên cứu của Đề tài cần thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra</p> <p>(Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 15,16 và 17 của thuyết minh Đề tài)</p>	
<p>3. Mức độ đầy đủ, rõ ràng và hợp lý trong việc đánh giá, phân tích tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước; mức độ cập nhật thông tin mới nhất về lĩnh vực nghiên cứu</p> <p>Nhận xét</p>	

Tiêu chí đánh giá	Điểm dự kiến của chuyên gia
<p>4. Tính khoa học, cụ thể, rõ ràng của việc luận giải về sự cần thiết phải nghiên cứu Đề tài</p> <p>Nhận xét</p>	
<p>5. Tính đầy đủ, phù hợp của các nội dung nghiên cứu cần tiến hành trong khuôn khổ của Đề tài để đạt được mục tiêu đề ra</p> <p>Nhận xét</p>	
<p>6. Tính khoa học, đầy đủ và logic trong việc luận giải về các nội dung nghiên cứu cần tiến hành của Đề tài</p> <p>Nhận xét</p>	
<p>III. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng (Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào Mục 18 của thuyết minh Đề tài)</p>	
<p>7. Tính khoa học, độc đáo của cách tiếp cận nghiên cứu</p> <p>Nhận xét</p>	

Tiêu chí đánh giá	Điểm dự kiến của chuyên gia
8. Tính đầy đủ, phù hợp của các phương pháp nghiên cứu đối với các nội dung nghiên cứu chính để đạt được mục tiêu đề ra Nhận xét	
9. Tính phù hợp của kỹ thuật sử dụng Nhận xét	
IV. Sản phẩm KHCN của Đề tài (Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào mục 22 của thuyết minh Đề tài)	09670296
10. Mức độ đầy đủ và phù hợp của các sản phẩm Đề tài so với yêu cầu theo đặt hàng (nếu có) và so với mục tiêu, nội dung nghiên cứu đặt ra Nhận xét	
11. Mức độ làm rõ sản phẩm chính của Đề tài Nhận xét	

Tiêu chí đánh giá	Điểm dự kiến của chuyên gia
<p>12. Mức độ tiên tiến về chất lượng và trình độ KH&amp;CN của các sản phẩm tạo ra so với sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài</p> <p>Nhận xét</p>	
<p>13. Tính khả thi của sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; của công trình dự kiến công bố trong nước và nước ngoài và của việc đào tạo trên đại học thông qua việc thực hiện Đề tài</p> <p>Nhận xét</p>	
<p>V. Khả năng ứng dụng các sản phẩm đề tài và tác động của các kết quả nghiên cứu</p> <p>(Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 23, 24 và 25 của thuyết minh Đề tài)</p>	
<p>14. Khả năng về thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra (dự báo nhu cầu thị trường; khả năng cạnh tranh về giá thành, chất lượng,... so với sản phẩm, công nghệ cùng loại)</p> <p>Nhận xét</p>	

Tiêu chí đánh giá	Điểm dự kiến của chuyên gia
<p>15. Tính hợp lý và khả thi của phương án chuyên giao công nghệ và các địa chỉ dự kiến áp dụng</p> <p>Nhận xét</p>	
<p>16. Tác động và lợi ích dự kiến của kết quả nghiên cứu</p> <p>Nhận xét</p>	
<p>VI. Tính khả thi của phương án tổ chức thực hiện Đề tài (Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 17, 19, 20, 21 của thuyết minh Đề tài, Dự toán kinh phí chi tiết thực hiện Đề tài và các bản Tóm tắt hoạt động của Tổ chức, cá nhân tham gia chính thực hiện Đề tài)</p>	
<p>17. Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp với các tổ chức trong nước và hợp tác quốc tế để thực hiện các nội dung nghiên cứu của Đề tài</p> <p>Nhận xét</p>	



Tiêu chí đánh giá	Điểm dự kiến của chuyên gia
<p>18. Tính hợp lý trong bố trí kế hoạch: nội dung, các mốc thời gian phải đạt; khả năng hoàn thành; việc huy động các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để thực hiện Đề tài</p> <p>Nhận xét</p>	
<p>19. Mức độ xác thực của tổng dự toán kinh phí so với nội dung và sản phẩm dự kiến tạo ra của Đề tài; tính hợp lý trong việc bố trí kinh phí cho các nội dung nghiên cứu</p> <p>Nhận xét</p>	
<p>20. Đánh giá chung về tính logic, hợp lý, cân đối và khả thi của toàn bộ nội dung của Thuyết minh đề tài</p> <p>Nhận xét</p>	

09670296

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

Phần 2 : Đánh giá năng lực của cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài - Các tiêu chí khuyến khích\*:

1. Kết quả hoạt động KH&CN liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của Đề tài xét trong 5 năm gần đây:

Tiêu chí	Điểm dự kiến của chuyên gia
<p>1. Là tác giả hoặc đồng tác giả của một hoặc nhiều Bài báo được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế (theo danh mục các tạp chí được Viện ISI công nhận)</p> <p>Nhận xét</p>	
<p>2. Là tác giả hoặc đồng tác giả của một hoặc nhiều giải pháp kỹ thuật, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ</p> <p>Nhận xét</p>	<p style="text-align: center;">09670296</p>
<p>3. Có Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về KH&amp;CN</p> <p>Nhận xét</p>	

2. Đóng góp cho sản xuất và đời sống (về khoa học công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của Đề tài), xét trong 5 năm gần đây:

Tiêu chí	Điểm dự kiến của chuyên gia
1. Là tác giả hoặc đồng tác giả của các kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng vào sản xuất, đời sống (được cấp có thẩm quyền xác nhận, có địa chỉ ứng dụng cụ thể) Nhận xét	
2. Chủ trì hoặc tham gia chính các Dự án SXTN thành công trên cơ sở triển khai kết quả nghiên cứu Đề tài KH&CN từ cấp bộ hoặc tương đương trở lên (có xác nhận của cơ quan quản lý KH&CN) Nhận xét	

**\*Ghi chú**

1. Kết quả hoạt động khoa học công nghệ (xét trong 05 năm gần đây tính đến thời điểm nộp Hồ sơ):

- Bài báo đăng Tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế (ISI):

+ Tác giả độc lập : 1điểm/bài báo;

+ Đồng tác giả: 0,5 điểm/bài báo

- Giải pháp kỹ thuật, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp văn bằng bảo hộ:

+ Tác giả độc lập: 1,5 điểm/văn bằng;

+ Đồng tác giả: 1 điểm/văn bằng

- Giải thưởng HCM, GTNN về KH&CN:

+ Tác giả độc lập: 3 điểm/Giải thưởng;

+ Đồng tác giả: 1,5 điểm/Giải thưởng

2. Đóng góp cho sản xuất và đời sống (về khoa học công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của Đề tài), xét trong 5 năm gần đây tính đến thời điểm nộp Hồ sơ (tối đa 6 điểm):

- Các kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng vào sản xuất, đời sống:

+ Tác giả độc lập: 1,5 điểm/kết quả được áp dụng;

+ Đồng tác giả: 1 điểm/kết quả được áp dụng.

- Dự án SXTN thành công:

+ Chủ nhiệm Dự án: 2 điểm/Dự án;

+ Người tham gia chính: 1 điểm/Dự án.

5. Nhận xét, đánh giá tổng hợp chung về Đề tài

5.1. Mặt mạnh của Đề tài:

5.2. Mặt yếu của Đề tài

5.3. Các kiến nghị

CHUYÊN GIA, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG  
ĐÁNH GIÁ - NHẬN XÉT  
(Họ, tên và chữ ký)

## Phụ lục II

## Ý KIẾN NHẬN XÉT

(ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11/5/2007  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

B2-2-PNXDA

## Ý KIẾN NHẬN XÉT

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT CHỌN TỔ CHỨC,  
CÁ NHÂN CHỦ TRÌ DỰ ÁN SXTN

Chuyên gia/ủy viên phản biện:	
Ủy viên Hội đồng:	

1. Họ và tên chuyên gia đánh giá:

2. Tên Dự án:

3. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì dự án:

Tên tổ chức:

Họ và tên cá nhân:

4. Các chỉ tiêu đánh giá - nhận xét

Tiêu chí đánh giá	Điểm dự kiến của chuyên gia
I. Giá trị công nghệ của Dự án (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.1, 14.1, 14.2, 15.1 và 15.2,17 của Thuyết minh dự án)	
1. Mức độ hoàn thiện, cải tiến công nghệ của Dự án so với công nghệ là xuất xứ	

Tiêu chí đánh giá	Điểm dự kiến của chuyên gia
2. Trình độ công nghệ chủ yếu của Dự án (các chỉ tiêu KT-KT, chỉ tiêu bảo vệ môi trường,...) so với công nghệ tương tự trong nước và ngoài nước	
3. Mức độ tiên tiến của sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của Dự án (tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh môi trường,...) so sánh với sản phẩm tương tự trong nước và ở ngoài nước	
4. Tính hợp lý của quy mô Dự án	
II. Tính khả thi của phương án triển khai Dự án (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ mục 16 của Thuyết minh dự án)	
5. Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức thực hiện	
6. Khả năng hợp tác, liên kết giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp	
7. Tính hợp lý, đầy đủ, xác thực của phương án tài chính	
8. Khả năng hoàn trả kinh phí thu hồi (đầy đủ, đúng hạn,...)	
III. Đầu tư và lợi ích trực tiếp của Dự án (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ phần III, các mục 16.2, 13.2 và 13.3 của Thuyết minh dự án)	
9. Tính hợp lý của tổng vốn đầu tư thực hiện Dự án so với kết quả dự kiến tạo ra	
10. Tính khả thi của phương án huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học để thực hiện Dự án	
11. Mức độ xác thực của kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách so với kết quả và mục đích đầu tư, tính hợp lý của việc phân bổ các khoản chi tương ứng để thực hiện Dự án	

09670296

Tiêu chí đánh giá	Điểm dự kiến của chuyên gia
12. Lợi ích trực tiếp dự kiến mang lại (kinh tế, việc làm, đào tạo cán bộ,...)	
IV. Khả năng thương mại hóa sản phẩm và tác động lâu dài của Dự án sau khi kết thúc (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.5 và mục 16.3 của Thuyết minh dự án)	
13. Tính xác thực của dự báo nhu cầu, đánh giá khả năng cung ứng trên thị trường đối với sản phẩm tạo ra của Dự án	
14. Tính cụ thể và khả thi của phương án tiêu thụ sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của Dự án	
15. Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của Dự án (giá thành, chất lượng,...)	
16. Khả năng chuyển giao, nhân rộng kết quả của Dự án, tự tổ chức SX-KD, thành lập doanh nghiệp KHCN	
V. Năng lực thực hiện Dự án (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.4, 16 và phần III của Thuyết minh dự án và các bản Lý lịch khoa học của các cá nhân thực hiện chính Dự án)	
17. Năng lực, uy tín về nghiên cứu KH&CN và kinh nghiệm, năng lực tổ chức, quản lý của cá nhân chủ trì Dự án	
18. Năng lực của các cá nhân tham gia chính thực hiện Dự án (trình độ, kinh nghiệm, thời gian thực tế có thể tham gia)	
19. Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và các tổ chức phối hợp chính (khả năng huy động cơ sở vật chất, nhân lực,...)	
20. Đánh giá chung về tính hợp lý, cân đối và khả thi của toàn bộ nội dung của Thuyết minh Dự án	
Tổng cộng	

5. Nhận xét, đánh giá tổng hợp chung về Dự án

5.1. Mặt mạnh của Dự án:

5.2. Mặt yếu của Dự án

5.3. Các kiến nghị

CHUYÊN GIA, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG  
ĐÁNH GIÁ - NHẬN XÉT  
(Họ, tên và chữ ký)



Phụ lục III

## PHIẾU ĐÁNH GIÁ

(ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11/5/2007  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

B2-3-PTCĐT

BỘ KHOA HỌC VÀ  
CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN  
TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN  
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ  
TRÌ ĐỀ TÀI KHCN

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 200....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ  
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC,  
CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC

1. Tên Đề tài:

2. Tên tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài:

Tên tổ chức:

Họ và tên cá nhân:

3. Họ và tên Chuyên gia/Thành viên Hội đồng đánh giá:

4. Các chỉ tiêu đánh giá

## Phần 1: Đánh giá thuyết minh Đề tài (tối đa 100 điểm)

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm của chuyên gia
I. Đánh giá chung về mục tiêu của Đề tài (Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 13 & 15.2 của thuyết minh Đề tài)	10	
1. Mức độ phù hợp, rõ ràng và cụ thể của mục tiêu của Đề tài so với yêu cầu đối với Đề tài (định hướng mục tiêu theo đặt hàng - nếu có)	5	
2. Mức độ đầy đủ, rõ ràng và hợp lý trong việc đánh giá, phân tích tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước để đặt ra mục tiêu cho Đề tài	5	
II. Tổng quan về tình hình nghiên cứu và luận giải về những nội dung nghiên cứu của Đề tài cần thực hiện để đạt được mục tiêu đề ra (Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 15,16 và 17 của thuyết minh Đề tài)	20	
3. Mức độ đầy đủ, rõ ràng và hợp lý trong việc đánh giá, phân tích tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước; mức độ cập nhật thông tin mới nhất về lĩnh vực nghiên cứu	5	
4. Tính khoa học, cụ thể, rõ ràng của việc luận giải về sự cần thiết phải nghiên cứu Đề tài	5	
5. Tính đầy đủ, phù hợp của các nội dung nghiên cứu cần tiến hành trong khuôn khổ của Đề tài để đạt được mục tiêu đề ra	5	
6. Tính khoa học, đầy đủ và logic trong việc luận giải về các nội dung nghiên cứu cần tiến hành của Đề tài	5	

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm của chuyên gia
III. Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng (Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào Mục 18 của thuyết minh Đề tài)	15	
7. Tính khoa học, độc đáo của cách tiếp cận nghiên cứu	5	
8. Tính đầy đủ, phù hợp của các phương pháp nghiên cứu đối với các nội dung nghiên cứu chính để đạt được mục tiêu đề ra	5	
9. Tính phù hợp của kỹ thuật sử dụng	5	
IV. Sản phẩm KHHCN của Đề tài (Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào mục 22 của thuyết minh Đề tài)	20	
10. Mức độ đầy đủ và phù hợp của các sản phẩm Đề tài so với yêu cầu theo đặt hàng (nếu có) và so với mục tiêu, nội dung nghiên cứu đặt ra	5	
11. Mức độ làm rõ sản phẩm chính của Đề tài	5	
12. Mức độ tiên tiến về chất lượng và trình độ KH&CN của các sản phẩm tạo ra so với sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài	5	
13. Tính khả thi của sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; của công trình dự kiến công bố trong nước và nước ngoài và của việc đào tạo trên đại học thông qua việc thực hiện Đề tài	5	

09670296

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm của chuyên gia
<p>V. Khả năng ứng dụng các sản phẩm đề tài và tác động của các kết quả nghiên cứu (Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 23, 24 và 25 của thuyết minh Đề tài)</p>	15	
<p>14. Khả năng về thị trường của sản phẩm, công nghệ tạo ra (dự báo nhu cầu thị trường; khả năng cạnh tranh về giá thành, chất lượng,... so với sản phẩm, công nghệ cùng loại)</p>	5	
<p>15. Tính hợp lý và khả thi của phương án chuyển giao công nghệ và các địa chỉ dự kiến áp dụng</p>	5	
<p>16. Tác động và lợi ích dự kiến của kết quả nghiên cứu</p>	5	
<p>VI. Tính khả thi của phương án tổ chức thực hiện Đề tài (Các chuyên gia đánh giá căn cứ chủ yếu vào các mục 17, 19, 20, 21 của thuyết minh Đề tài, Dự toán kinh phí chi tiết thực hiện Đề tài và các bản Tóm tắt hoạt động của Tổ chức, cá nhân tham gia chính thực hiện Đề tài)</p>	20	
<p>17. Tính hợp lý và khả thi của phương án phối hợp với các tổ chức trong nước và hợp tác quốc tế để thực hiện các nội dung nghiên cứu của Đề tài</p>	5	
<p>18. Tính hợp lý trong bố trí kế hoạch: nội dung, các mốc thời gian phải đạt; khả năng hoàn thành; việc huy động các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để thực hiện Đề tài</p>	5	

09670296

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm của chuyên gia
19. Mức độ xác thực của tổng dự toán kinh phí so với nội dung và sản phẩm dự kiến tạo ra của Đề tài; tính hợp lý trong việc bố trí kinh phí cho các nội dung nghiên cứu	5	
20. Đánh giá chung về tính logic, hợp lý, cân đối và khả thi của toàn bộ nội dung của Thuyết minh đề tài	5	
Tổng số	100	

Phần 2: Đánh giá năng lực của cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài - Các tiêu chí khuyến khích (tối đa 14 điểm)\*

1. Kết quả hoạt động KH&CN liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của Đề tài xét trong 5 năm gần đây (tối đa 8 điểm):

Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm của chuyên gia
1. Là tác giả hoặc đồng tác giả của một hoặc nhiều Bài báo được đăng trên tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế (theo danh mục các tạp chí được Viện ISI công nhận)	2	
2. Là tác giả hoặc đồng tác giả của một hoặc nhiều giải pháp kỹ thuật, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp văn bằng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	3	
3. Có Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về KH&CN	3	

2. Đóng góp cho sản xuất và đời sống (về khoa học công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của Đề tài), xét trong 5 năm gần đây (tối đa 6 điểm):

Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm của chuyên gia
1. Là tác giả hoặc đồng tác giả của các kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng vào sản xuất, đời sống (được cấp có thẩm quyền xác nhận, có địa chỉ ứng dụng cụ thể)	3	

Tiêu chí	Điểm tối đa	Điểm của chuyên gia
2. Chủ trì hoặc tham gia chính các Dự án SXTN thành công trên cơ sở triển khai kết quả nghiên cứu Đề tài KH&CN từ cấp bộ hoặc tương đương trở lên (có xác nhận của cơ quan quản lý KH&CN)	3	

**\*Ghi chú:**

1. Kết quả hoạt động khoa học công nghệ (xét trong 05 năm gần đây tính đến thời điểm nộp Hồ sơ):

- Bài báo đăng Tạp chí khoa học chuyên ngành quốc tế (ISI):

+ Tác giả độc lập: 1 điểm/bài báo;

+ Đồng tác giả: 0,5 điểm/bài báo

- Giải pháp kỹ thuật, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây trồng đã được cấp văn bằng bảo hộ:

+ Tác giả độc lập: 1,5 điểm/văn bằng;

+ Đồng tác giả: 1 điểm/văn bằng

- Giải thưởng HCM, GTNN về KH&CN:

+ Tác giả độc lập: 3 điểm/Giải thưởng;

+ Đồng tác giả: 1,5 điểm/Giải thưởng

2. Đóng góp cho sản xuất và đời sống (về khoa học công nghệ liên quan đến lĩnh vực nghiên cứu của Đề tài), xét trong 5 năm gần đây tính đến thời điểm nộp Hồ sơ (tối đa 6 điểm):

- Các kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng vào sản xuất, đời sống:

+ Tác giả độc lập: 1,5 điểm/kết quả được áp dụng;

+ Đồng tác giả: 1 điểm/kết quả được áp dụng.

- Dự án SXTN thành công:

+ Chủ nhiệm Dự án: 2 điểm/Dự án;

+ Người tham gia chính: 1 điểm/Dự án.

5. Khuyến nghị của Chuyên gia/Thành viên Hội đồng về những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong Thuyết minh Đề tài - cả về nội dung và kinh phí (nếu có)

**CHUYÊN GIA/THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG**

(Họ, tên và chữ ký)

(Xem tiếp Công báo số 508 + 509)

**PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT****BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ****QUY ĐỊNH****TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ  
TRÌ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC  
CÔNG NGHỆ CẤP NHÀ NƯỚC**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11/5/2007  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ*

(Tiếp theo Công báo số 506 + 507)

**Phụ lục III****PHIẾU ĐÁNH GIÁ**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11/5/2007  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

**B2-3-PTCDA****BỘ KHOA HỌC VÀ  
CÔNG NGHỆ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN  
XÉT CHỌN TỔ CHỨC,  
CÁ NHÂN CHỦ TRÌ  
DỰ ÁN SXTN**

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 200....

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ****HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
CHỦ TRÌ DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC**

1. Tên Dự án SXTN:
2. Tên tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện Dự án SXTN:

Tên tổ chức:

Họ và tên cá nhân:

3. Họ và tên Chuyên gia/Thành viên Hội đồng đánh giá:

4. Các chỉ tiêu đánh giá

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của chuyên gia
I. Giá trị công nghệ của Dự án (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.1, 14.1, 14.2, 15.1 và 15.2, 17 của Thuyết minh dự án)	20	
1. Mức độ hoàn thiện, cải tiến công nghệ của Dự án so với công nghệ là xuất xứ	5	
2. Trình độ công nghệ chủ yếu của Dự án (các chỉ tiêu KT-KT, chỉ tiêu bảo vệ môi trường,...) so với công nghệ tương tự trong nước và ngoài nước	5	
3. Mức độ tiên tiến của sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của Dự án (tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh môi trường,...) so sánh với sản phẩm tương tự trong nước và ở ngoài nước	5	
4. Tính hợp lý của quy mô Dự án	5	
II. Tính khả thi của phương án triển khai Dự án (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ mục 16 của Thuyết minh dự án)	20	
5. Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức thực hiện	5	
6. Khả năng hợp tác, liên kết giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp	5	
7. Tính hợp lý, đầy đủ, xác thực của phương án tài chính	5	



Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của chuyên gia
8. Khả năng hoàn trả kinh phí thu hồi (đầy đủ, đúng hạn,...)	5	
III. Đầu tư và lợi ích trực tiếp của Dự án (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ phần III, các mục 16.2, 13.2 và 13.3 của Thuyết minh dự án)	20	
9. Tính hợp lý của tổng vốn đầu tư thực hiện Dự án so với kết quả dự kiến tạo ra	5	
10. Tính khả thi của phương án huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học để thực hiện Dự án	5	
11. Mức độ xác thực của kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách so với kết quả và mục đích đầu tư, tính hợp lý của việc phân bổ các khoản chi tương ứng để thực hiện Dự án	5	
12. Lợi ích trực tiếp dự kiến mang lại (kinh tế, việc làm, đào tạo cán bộ,...)	5	
IV. Khả năng thương mại hóa sản phẩm và tác động lâu dài của Dự án sau khi kết thúc (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.5 và mục 16.3 của Thuyết minh dự án)	20	
13. Tính xác thực của dự báo nhu cầu, đánh giá khả năng cung ứng trên thị trường đối với sản phẩm tạo ra của Dự án	5	
14. Tính cụ thể và khả thi của phương án tiêu thụ sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của Dự án	5	
15. Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của Dự án (giá thành, chất lượng,...)	5	

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của chuyên gia
16. Khả năng chuyên giao, nhân rộng kết quả của Dự án, tự tổ chức SX - KD, thành lập doanh nghiệp KHCN	5	
V. Năng lực thực hiện Dự án (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 13.4, 16 và phần III của Thuyết minh dự án và các bản Lý lịch khoa học của các cá nhân thực hiện chính Dự án)	20	
17. Năng lực, uy tín về nghiên cứu KH&CN và kinh nghiệm, năng lực tổ chức, quản lý của cá nhân chủ trì Dự án	5	
18. Năng lực của các cá nhân tham gia chính thực hiện Dự án (trình độ, kinh nghiệm, thời gian thực tế có thể tham gia)	5	
19. Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và các tổ chức phối hợp chính (khả năng huy động cơ sở vật chất, nhân lực, ... )	5	
20. Đánh giá chung về tính hợp lý, cân đối và khả thi của toàn bộ nội dung của Thuyết minh Dự án	5	
Tổng cộng	100	

5. Khuyến nghị của Chuyên gia/Thành viên Hội đồng về những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong Thuyết minh Dự án - cả về nội dung và kinh phí (nếu có).

CHUYÊN GIA/THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG  
(Họ, tên và chữ ký)

## Phụ lục IV

## BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ

(ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11/5/2007  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

B2-4-KPĐGTCĐT

BỘ KHOA HỌC VÀ  
CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN  
TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN  
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ  
TRÌ ĐỀ TÀI KHCN

Hà Nội, ngày... tháng... năm 200...

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ  
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI KHCN CẤP NHÀ NƯỚC

Tên Đề tài:

.....

Tên Tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì Đề tài KHCN

Tên Tổ chức

Tên cá nhân

1. Số Phiếu phát ra:
2. Số Phiếu thu về:
3. Số Phiếu hợp lệ:
4. Số Phiếu không hợp lệ:

Tiêu chí đánh giá	Họ tên các thành viên Hội đồng và điểm đánh giá tương ứng										Tổng số điểm trung bình của các thành viên HĐ
Tổng số điểm Phần I											
Tiêu chí 1											
Tiêu chí 2											
Tiêu chí 3											
Tiêu chí 4											
Tiêu chí 5											
Tiêu chí 6											
Tiêu chí 7											
Tiêu chí 8											
Tiêu chí 9											
Tiêu chí 10											
Tiêu chí 11											
Tiêu chí 12											

09670296

Tiêu chí đánh giá	Họ tên các thành viên Hội đồng và điểm đánh giá tương ứng										Tổng số điểm trung bình của các thành viên HĐ
Tiêu chí 13											
Tiêu chí 14											
Tiêu chí 15											
Tiêu chí 16											
Tiêu chí 17											
Tiêu chí 18											
Tiêu chí 19											
Tiêu chí 20											
Tổng số điểm Phần II											

Các thành viên Ban kiểm phiếu  
(Họ, tên và chữ ký)

Trưởng Ban kiểm phiếu  
(Họ, tên và chữ ký)

09670296

## Phụ lục IV

## BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ

(ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11/5/2007  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

B2-4-KPĐGXCA

BỘ KHOA HỌC VÀ  
CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN  
XÉT CHỌN TỔ CHỨC,  
CÁ NHÂN CHỦ TRÌ  
DỰ ÁN SXTN

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 200....

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ  
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
CHỦ TRÌ DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC

Tên Dự án:

.....

Tên Tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì Dự án SXTN

Tên Tổ chức

Tên cá nhân

1. Số Phiếu phát ra:
2. Số Phiếu thu về:
3. Số Phiếu hợp lệ:
4. Số Phiếu không hợp lệ:

Tiêu chí đánh giá	Họ tên các thành viên Hội đồng và điểm đánh giá tương ứng										Tổng số điểm trung bình của các thành viên HĐ
Tiêu chí 1											
Tiêu chí 2											
Tiêu chí 3											
Tiêu chí 4											
Tiêu chí 5											
Tiêu chí 6											
Tiêu chí 7											
Tiêu chí 8											
Tiêu chí 9											
Tiêu chí 10											
Tiêu chí 11											
Tiêu chí 12											
Tiêu chí 13											
Tiêu chí 14											

09670236

Tiêu chí đánh giá	Họ tên các thành viên Hội đồng và điểm đánh giá tương ứng										Tổng số điểm trung bình của các thành viên HĐ
Tiêu chí 15											
Tiêu chí 16											
Tiêu chí 17											
Tiêu chí 18											
Tiêu chí 19											
Tiêu chí 20											
Tổng											

Các thành viên Ban kiểm phiếu  
(Họ, tên và chữ ký)

Trưởng Ban kiểm phiếu  
(Họ, tên và chữ ký)

05670296



## Phụ lục V

## BẢNG TỔNG HỢP KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ

(ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11/5/2007  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

B2-5-THĐGTCĐT

BỘ KHOA HỌC VÀ  
CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN  
TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN  
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ  
TRÌ ĐỀ TÀI KHCN

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 200....

BẢNG TỔNG HỢP KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ  
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI KHCN CẤP NHÀ NƯỚC

Tên Đề tài:

.....  
.....

TT	Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài KHCN	Tổng số điểm trung bình của các thành viên Hội đồng (theo thứ tự từ cao xuống thấp)			Ghi chú
		Tổng số điểm trung bình của Phần I	Tổng số điểm trung bình của Phần II	Tổng cộng	
1	2	3	4	5	6
1					

TT	Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện Đề tài KHCN	Tổng số điểm trung bình của các thành viên Hội đồng (theo thứ tự từ cao xuống thấp)			Ghi chú
		Tổng số điểm trung bình của Phần I	Tổng số điểm trung bình của Phần II	Tổng cộng	
1	2	3	4	5	6
2					
3					
4					

Các thành viên Ban kiểm phiếu  
(Họ, tên và chữ ký)

Trưởng Ban kiểm phiếu  
(Họ, tên và chữ ký)

## Phụ lục V

## BẢNG TỔNG HỢP KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ

(ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11/5/2007  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

B2-5-THĐGXCD

BỘ KHOA HỌC VÀ  
CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN  
XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ  
NHÂN CHỦ TRÌ  
DỰ ÁN SXTN

Hà Nội, ngày.... tháng.... năm 200....

BẢNG TỔNG HỢP KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ  
HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XÉT CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
CHỦ TRÌ DỰ ÁN SXTN CẤP NHÀ NƯỚC

Tên Dự án:

.....

.....

TT	Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện Dự án SXTN	Tổng số điểm trung bình của các thành viên Hội đồng (theo thứ tự từ cao xuống thấp)	Ghi chú
1	2	3	4
1			

TT	Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì thực hiện Dự án SXTN	Tổng số điểm trung bình của các thành viên Hội đồng (theo thứ tự từ cao xuống thấp)	Ghi chú
1	2	3	4
2			
3			
4			

Các thành viên Ban kiểm phiếu  
(Họ, tên và chữ ký)

Trưởng Ban kiểm phiếu  
(Họ, tên và chữ ký)

09670296

LawSoft \* Tel: +84-8-3845 6684 \* www.ThuVienPhapLuat.com

## Phụ lục VI

## BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KH&amp;CN

(ban hành kèm theo Quyết định số 10/2007/QĐ-BKHCN ngày 11/5/2007  
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

B2-6-BBHĐTC

BỘ KHOA HỌC VÀ  
CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN  
TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN  
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN  
CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI,  
DỰ ÁN SXTN

Hà Nội, ngày... tháng... năm 200...

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KH&CN  
ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN, XÉT CHỌN  
TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN  
SXTN CẤP NHÀ NƯỚC

## A. NHỮNG THÔNG TIN CHUNG

1. Tên Đề tài, Dự án SXTN:

.....  
.....  
.....

2. Quyết định thành lập Hội đồng

...../QĐ-BKHCN ngày.../.../200... của Bộ trưởng Bộ KH&CN

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng

....., ngày.../.../200... và ngày.../.../200...

4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên (đối với phiên họp đánh giá chấm điểm): ...../.....

Vắng mặt: ..... người, gồm các thành viên:

.....  
 .....

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng (đối với phiên họp đánh giá)

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác
1		
2		

## B. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG

1. Tại phiên họp thống nhất phương thức làm việc, Hội đồng đã phân công các thành viên và đề nghị Bộ KH&CN mời các chuyên gia phản biện (nếu có) nhận xét đánh giá tất cả các Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn chủ trì thực hiện Đề tài, Dự án SXTN. Đó là các chuyên gia sau đây:

TT	Họ và tên chuyên gia phản biện	Ghi chú (Chuyên gia phản biện là thành viên hoặc không là thành viên Hội đồng)
1	2	3
1		
2		

Hội đồng nhất trí cử Ông, Bà.....là Thư ký khoa học của Hội đồng.

2. Tại phiên họp đánh giá tuyển chọn Hồ sơ

2.1. Hội đồng đã thảo luận, nhận định đánh giá khái quát về mặt mạnh, mặt yếu của từng Hồ sơ theo các tiêu chí đã quy định.

2.2. Hội đồng đã nghe các chuyên gia phản biện đọc Bản nhận xét, phân tích từng Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn chủ trì Đề tài, Dự án SXTN.

Hội đồng đã nêu câu hỏi đối với các chuyên gia phản biện về từng chỉ tiêu đánh giá đã được quy định.

2.3. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận kỹ từng Hồ sơ theo từng tiêu chí đã được quy định, nhận xét, đánh giá mặt mạnh, mặt yếu của từng Hồ sơ theo các yêu cầu đã quy định và đánh giá so sánh giữa các Hồ sơ tuyển chọn, xét chọn cùng một (01) Đề tài, Dự án SXTN.

2.4. Hội đồng đã bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

3.1. Trưởng Ban:.....

3.2. Hai ủy viên:

.....  
 .....

2.4. Hội đồng đã bỏ phiếu kín đánh giá từng Hồ sơ đăng ký chủ trì Đề tài, Dự án SXTN.

Kết quả kiểm phiếu đánh giá các Hồ sơ đăng ký tuyển chọn, xét chọn tổ chức cá nhân chủ trì Đề tài, Dự án SXTN được trình bày trong Biên bản kiểm phiếu gửi kèm theo.

2.5. Kết luận và kiến nghị của Hội đồng (để lại những nội dung thích hợp)

2.5.1. Kết quả đánh giá của Hội đồng

- Căn cứ kết quả kiểm phiếu, Hội đồng kiến nghị tổ chức, cá nhân sau đây trúng tuyển chủ trì Đề tài, Dự án SXTN nêu trên:

Tên tổ chức .....

.....

Họ và tên cá nhân

.....

- Trong các Hồ sơ đăng ký chủ trì Đề tài đã được Hội đồng xem xét đánh giá, không có Hồ sơ nào đạt tổng số điểm trung bình của các tiêu chí trong Phần I đạt từ 70/100 điểm trở lên, trong đó, điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 3 điểm (và được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho điểm từ 3 trở lên). Vì vậy, Hội đồng không kiến nghị tổ chức và cá nhân nào trúng tuyển chủ trì Đề tài này.

(Trong các Hồ sơ đăng ký chủ trì Dự án SXTN đã được Hội đồng xem xét đánh giá, không có Hồ sơ nào đạt tổng số điểm trung bình của các tiêu chí đạt từ 65/100 điểm trở lên, trong đó, điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 3 điểm (và được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho điểm từ 3 trở lên). Vì vậy, Hội đồng không kiến nghị tổ chức và cá nhân nào trúng tuyển chủ trì Dự án SXTN này).

2.5.2. Hội đồng kiến nghị những điểm sau đây trong quá trình hoàn thiện Hồ sơ của tổ chức và cá nhân được kiến nghị trúng tuyển

- Về những nội dung cần bổ sung, sửa đổi trong Thuyết minh Đề tài, Dự án SXTN
- Những sản phẩm chính và chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu tương ứng phải đạt:
- Về kinh phí cho việc thực hiện Đề tài, Dự án SXTN
- Về những điểm cần lưu ý khác trong quá trình hoàn thiện Hồ sơ của tổ chức và cá nhân được kiến nghị trúng tuyển

Hội đồng đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét và phê duyệt.

THƯ KÝ KHOA HỌC  
(Họ, tên và chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG  
(Họ, tên và chữ ký)



Phụ lục  
NHỮNG Ý KIẾN ĐÁNH GIÁ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG  
(ghi chép của thư ký khoa học của Hội đồng)